BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ

BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

Giảng viên hướng dẫn	:Th.s Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện	: Trần Thị Hoài Thương
Mã số sinh viên	: 2254010007
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHOA KINH TẾ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BỘ MÔN KẾ TOÁN	

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Trần Thị Hoài Thương
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

4. Cán bộ hướng dẫn: Th.s Lâm Xuân Đào

5. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

6. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT ..... **ix**

DANH MỤC SƠ ĐỒ ..... **x**

DANH MỤC HÌNH ẢNH ..... **xi**

LỜI CẢM ƠN ..... **xiv**

LỜI MỞ ĐẦU ..... **xv**

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH **1**

1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác. **1**

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. **1**

a. Khái niệm **1**

b. Chứng từ sử dụng **2**

c. Tài khoản sử dụng **2**

d. Kết cấu tài khoản **2**

e. Phương pháp hạch toán **3**

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu **4**

a. Nội dung **4**

b. Chứng từ sử dụng **4**

c. Tài khoản sử dụng **5**

d. Phương pháp hạch toán **5**

1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính **6**

a. Nội dung **6**

b. Chứng từ sử dụng **6**

c. Tài khoản sử dụng **6**

d. Kết cấu tài khoản **6**

e. Phương pháp hạch toán **7**

1.1.4. Kế toán thu nhập khác **8**

a. Nội dung **8**

b. Chứng từ sử dụng 8
c. Tài khoản sử dụng 8
d. Kết cấu tài khoản 8
e. Phương pháp hạch toán 9
1.2. Kế toán chi phí 9
1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán 9
a. Khái niệm 9
b. Đo lường giá vốn 10
c. Chứng từ sử dụng 11
d. Tài khoản sử dụng 11
e. Kết cấu tài khoản 11
f. Phương pháp hạch toán 12
1.2.2. Kế toán chi phí tài chính 13
a. Nội dung 13
b. Chứng từ sử dụng 13
c. Tài khoản sử dụng 13
d. Kết cấu tài khoản 13
e. Phương pháp hạch toán 14
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 14
a. Nội dung 14
b. Chứng từ sử dụng 15
c. Tài khoản sử dụng 15
d. Kết cấu tài khoản. 15
e. Phương pháp hạch toán 16
1.2.4. Kế toán chi phí khác 17
a. Nội dung 17
b. Chứng từ sử dụng 17

c. Tài khoản sử dụng.....17
d. Kết cấu tài khoản.....17
e. Phương pháp hạch toán.....18
1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....18
a. Nội dung.....18
b. Chứng từ sử dụng.....18
c. Tài khoản sử dụng.....19
d. Kết cấu tài khoản.....19
e. Phương pháp hạch toán.....19
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....20
a. Nội dung.....20
b. Đo lường xác định kết quả kinh doanh.....20
c. Chứng từ sử dụng.....20
d. Tài khoản sử dụng.....20
e. Kết cấu tài khoản.....21
f. Phương pháp hạch toán.....21
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN.....22
2.1. Thông tin khái quát về Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn. 22
2.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn.....22
2.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn.....23
2.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....23
2.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.....23
2.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn.....24

2.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán. 24
2.4.2. Nhiệm vụ, chức năng của từng phần hành kế toán.....24
2.5. Hình thức ghi sổ kế toán của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn và trình tự luân chuyển chứng từ. 25
2.5.1. Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật kí chung. 25
2.5.2. Kế toán theo hình thức ghi sổ trên máy tính. 26
2.6. Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn 28
2.7. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn 28
2.7.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác.....28
2.7.1.1. Kế toán doanh thu bán bán hàng và cung cấp dịch vụ. 28
a. Tài khoản sử dụng 28
b. Chứng từ kế toán sử dụng. 28
c. Sổ sách kế toán sử dụng. 29
d. Đối với doanh thu bán hàng tại Công ty: 29
2.7.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 38
a. Tài khoản sử dụng 38
b. Chứng từ sử dụng 38
c. Sổ sách sử dụng 38
d. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty 38
2.7.1.3. Kế toán thu nhập khác 41
a. Tài khoản sử dụng 41
b. Chứng từ sử dụng 41
c. Sổ sách sử dụng 41
d. Kế toán thu nhập khác của Công ty 42
2.7.2. Kế toán chi phí 45
2.7.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán 45

a. Tài khoản sử dụng 45
b. Chứng từ sử dụng 45
c. Sổ sách sử dụng 45
d. Phương pháp xác định giá vốn 45
e. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty 45
2.7.2.2. Kế toán chi phí tài chính 48
a. Tài khoản sử dụng 48
b. Chứng từ sử dụng 48
c. Sổ sách sử dụng 48
d. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty 48
2.7.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 50
a. Tài khoản sử dụng 50
b. Chứng từ sử dụng 50
c. Sổ sách sử dụng 50
d. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty 50
2.7.2.4. Kế toán chi phí thuế TNDN 66
a. Tài khoản sử dụng 66
b. Chứng từ sử dụng 66
c. Sổ sách sử dụng 66
d. Kế toán chi phí thuế TNDN của Công ty 66
2.7.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 74
a. Tài khoản sử dụng 74
b. Sổ sách sử dụng 74
c. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty 74
CHƯƠNG III: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN 79

3.1. Những nhận xét đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn 79

3.1.1. Ưu điểm 79

3.1.2. Hạn chế 80

a. Về tổ chức bộ máy kế toán: 80

b. Về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu: 80

c. Về kế toán doanh thu hoạt động tài chính: 81

d. Về kế toán chi phí tài chính: 81

e. Về kế toán chi phí quản lý kinh doanh: 81

f, Kế toán chi phí thuế TNDN 82

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn 82

a, Về tổ chức bộ máy kế toán: 82

b, Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu: 82

c. Về kế toán doanh thu hoạt động tài chính: 82

d. Về kế toán chi phí tài chính: 82

e, Về kế toán chi phí quản lý kinh doanh: 83

f, Kế toán chi phí thuế TNDN 84

KẾT LUẬN 85

TÀI LIỆU THAM KHẢO .....

PHỤ LỤC 1 .....

DANH MỤC VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
BVMT	Bảo vệ môi thường
TK	Tài khoản
ĐTTC	Đầu tư tài chính
TSCĐ	Tài sản cố định
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
SXC	Sẳn xuất chung
HTK	Hàng tồn kho
CCDC	Công cụ dụng cụ
BHYT	Bỏa hiểm y tế
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHTN	Bỏa hiểm tai nạn
BHTNLĐ-BNN	Bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NSNN	Ngân sách nhà nước
TNDN	Thu nhập Doanh nghiệp
BH&CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
TMCP	Thương mại cổ phần

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp 3

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý) 3

Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (Đối với bên giao hàng đại lý) 3

Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp ..4

Sơ đồ 5: Sơ đồ hạch toán các tài khoản giảm trừ doanh thu 5

Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan 5

Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính 7

Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác 9

Sơ đồ 9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán 12

Sơ đồ 10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính 14

Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh 16

Sơ đồ 12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác 18

Sơ đồ 13: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN 19

Sơ đồ 14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh 21

Sơ đồ 15: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty 23

Sơ đồ 16: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty 24

Sơ đồ 17: Trình tự ghi sổ kế toán. 25

Sơ đồ 18. Trình tự ghi sổ trên máy vi tính của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn 27

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán MISA ASP của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn 26
Hình 2: Giao diện phần mềm hóa đơn điện tử VNPT 29
Hình 3: Hóa đơn GTGT số 00009845 30
Hình 4: Giao diện đăng nhập tài khoản MISA ASP 31
Hình 5: Giao diện hạch toán chứng từ số 00009845 31
Hình 6: Phiếu thu cho hóa đơn số 00009845 32
Hình 7. Hóa đơn GTGT số 00000097 33
Hình 8: Giao diện hạch toán chứng từ số 00000097 34
Hình 9: Phiếu thu cho hóa đơn số 00000097 34
Hình 10: Sổ nhật ký chung 35
Hình 11: Sổ cái 511 36
Hình 12: Sổ chi tiết tài khoản 5111 37
Hình 13: Sổ chi tiết tài khoản 5113 37
Hình 14: Sổ phụ ngân hàng Agribank 38
Hình 15: Giao diện phiếu thu tiền gửi 39
Hình 16: Sổ phụ ngân hàng Viettinbank 39
Hình 17: Giao diện phiếu thu tiền gửi 40
Hình 18: Sổ nhật ký chung 40
Hình 19: Sổ cái 515 41
Hình 20: Hóa đơn GTGT số 00001309 42
Hình 21: Giao diện hạch toán chứng từ số 00001309 42
Hình 22: Giao diện hạch toán chứng từ số 00001309 43
Hình 23: Sổ nhật ký chung 43
Hình 24: Sổ cái 711 44
Hình 25: Chứng từ bán hàng số hóa đơn 00009845 có giá vốn trên phần mềm 45
Hình 26: Phiếu xuất kho cho hóa đơn số 00009845 46

Hình 27: Sổ Cái TK 632 47
Hình 28: Sổ phụ ngân hàng 48
Hình 29: Giao diện hạch toán Ủy nhiệm chi trên phần mềm 48
Hình 30: Sổ nhật ký chung 49
Hình 31: Sổ cái TK 635 49
Hình 32: Hóa đơn GTGT số 3778917 51
Hình 33: Giao diện hạch toán mua dịch hóa đơn số 3778917 52
Hình 34: Bảng thanh toán lương tháng 11/2025 52
Hình 35: Giao diện hạch toán tổng tiền lương tháng 11/2025 53
Hình 36: Giao diện hạch toán tiền lương (Bộ phận bán hàng, vận tải) 11/2025 53
Hình 37: Giao diện tính khấu hao tài sản cố định tháng 11/2025 54
Hình 38: Giao diện phân bổ tài sản cố định tháng 11/2025 54
Hình 39: Sổ tài sản cố định 55
Hình 40: Sổ chi tiết TK 6421 55
Hình 41: Hóa đơn GTGT số 125750 56
Hình 42: Giấy nộp tiền 57
Hình 43: Sổ phụ ngân hàng nộp tiền lệ phí môn bài 58
Hình 44: Hóa đơn GTGT số 437 59
Hình 45: Hóa đơn GTGT số 459806 60
Hình 46: Hóa đơn GTGT số 10599 61
Hình 47: Sổ chi tiết TK 6422 63
Hình 48: Sổ nhật ký chung 64
Hình 49: Sổ cái TK 642 65
Hình 50: Giao diện đăng nhập phần mềm HTKK 66
Hình 51: Giao diện phần mềm HTKK 67
Hình 52: Giao diện chọn tờ khai để kê khai thuế trên HTKK 67
Hình 53: Giao diện kê khai thuế TNDN 68

Hình 54: Giao diện kê khai phụ lục 03-1A 68
Hình 55: Tờ khai thuế TNDN năm 2025 71
Hình 56: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....72
Hình 57: Giao diện hạch toán thuế TNDN trên phần mềm 73
Hình 58: Trích sổ Nhật ký chung 73
Hình 59: Sổ Cái TK 821.....74
Hình 60: Giao diện kết chuyển lãi lỗ 75
Hình 61. Sổ nhật ký chung.....76
Hình 62. Sổ cái TK 911.....77
Hình 63: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....78
Hình 64: Phụ lục sổ chi tiết vật tư hàng hóa Dầu DO 0.05S-II .....

LỜI CẢM ƠN

Để có thể hoàn thành bài khóa luận với đề tài "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại "**Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn**", bên cạnh sự cố gắng của bản thân, em xin được lời cảm ơn chân thành nhất đến quý thầy cô Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Thạc sĩ Lâm Xuân Đào đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp. Cảm ơn cô đã luôn chỉ dạy và hướng dẫn em vô cùng tận tình, giúp em có thể hoàn thành bài luận văn của mình một cách xuất sắc nhất!

Tiếp theo, em xin cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn đã luôn tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể nắm rõ mọi vấn đề liên quan đến quá trình hoàn thành bài luận của mình tại quý công ty.

Trong suốt quá trình hoàn thành bài luận tốt nghiệp, em cảm thấy mình đã được trau dồi và học hỏi rất nhiều điều bổ ích. Từ đó, bản thân em đã có thêm thật nhiều kỹ năng và kiến thức giúp ích cho công việc sau này của mình. Tuy nhiên khó tránh khỏi sai sót, em rất mong các thầy, cô bỏ qua. Cuối cùng, em rất mong nhận được những lời nhận xét và góp ý quý báu từ thầy cô cũng như các bạn học để bài luận của em có thể hoàn thiện hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Bất cứ công ty nào khi đi vào kinh doanh đều phải chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh của mình, bảo toàn được vốn kinh doanh và quan trọng là kinh doanh có lãi. Muốn như vậy công ty phải nhận thức được vị trí khâu tiêu thụ hàng hóa vì nó quyết định đến kinh doanh của công ty và là cơ sở để công ty có thu nhập bù đắp những chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Một trong những chiến lược mũi nhọn của các doanh nghiệp là tập trung vào khâu bán hàng. Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình luân chuyển hàng hóa trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo nguồn thu bù đắp những chi phí bỏ ra, từ đó tạo ra lợi nhuận phục vụ cho quá trình tái sản xuất kinh doanh. Vấn đề đặt ra là làm sao tổ chức tốt khâu bán hàng, rút ngắn được quá trình luân chuyển hàng hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng, là phần hành kế toán chủ yếu trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Góp phần phục vụ đắc lực hoạt động bán hàng của mỗi doanh nghiệp giúp doanh nghiệp tăng nhanh khả năng thu hồi, kịp thời tổ chức quá trình kinh doanh tiếp theo, cung cấp thông tin nhanh chóng để từ đó doanh nghiệp, phân tích đánh giá lựa chọn các phương án đầu tư hiệu quả.

Sau một thời gian ngắn thực tập ở Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn, được sự quan tâm giúp đỡ của các kế toán tại công ty và những kiến thức đã được học ở trường em nhận thức vai trò quan trọng của công tác kế toán bán hàng đối với hoạt động và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy em đã chọn đề tài: "**Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn**" làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của báo cáo gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn.

Chương 3: Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác.

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a. Khái niệm

- Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được thực tế hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán hàng, sản phẩm, cung cấp dịch vụ, hoa hồng,...

Doanh thu	=	Số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ trong kỳ	x	Đơn giá

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Theo quy định tại điều 57 trong Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý, quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh nghiệp được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng (doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo có
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 trong Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Tài khoản 511-"Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

TK 511 có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng
- TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 - Doanh thu khác

d. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 511**	**Có**
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (xuất khẩu, GTGT, TTĐB, BVMT) - Các khoản giảm trừ doanh thu (CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán) - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản này không có số dư

e. Phương pháp hạch toán

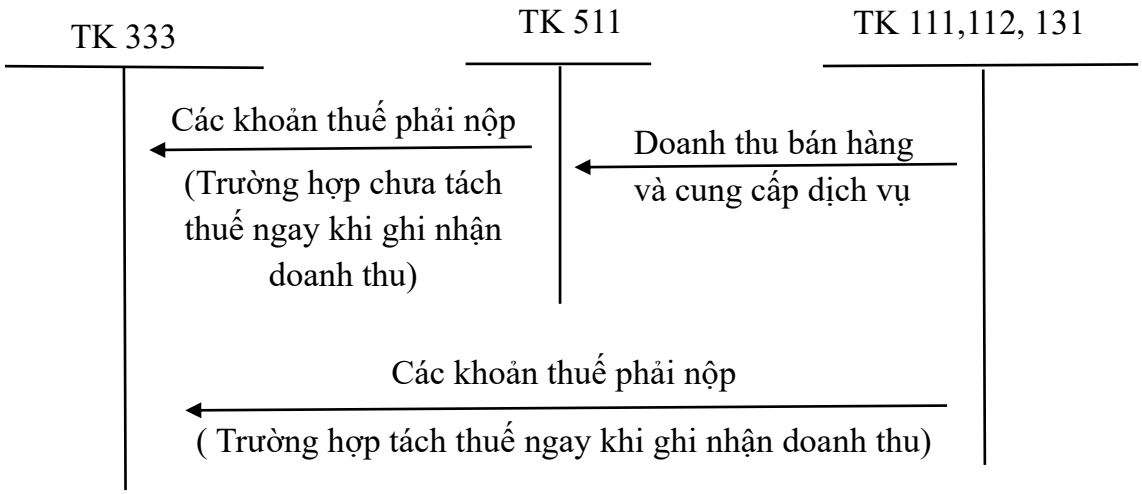

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp

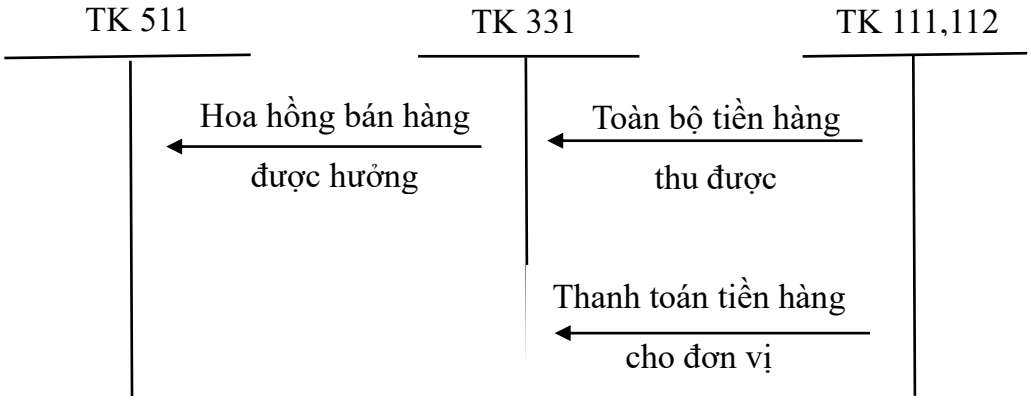

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý)

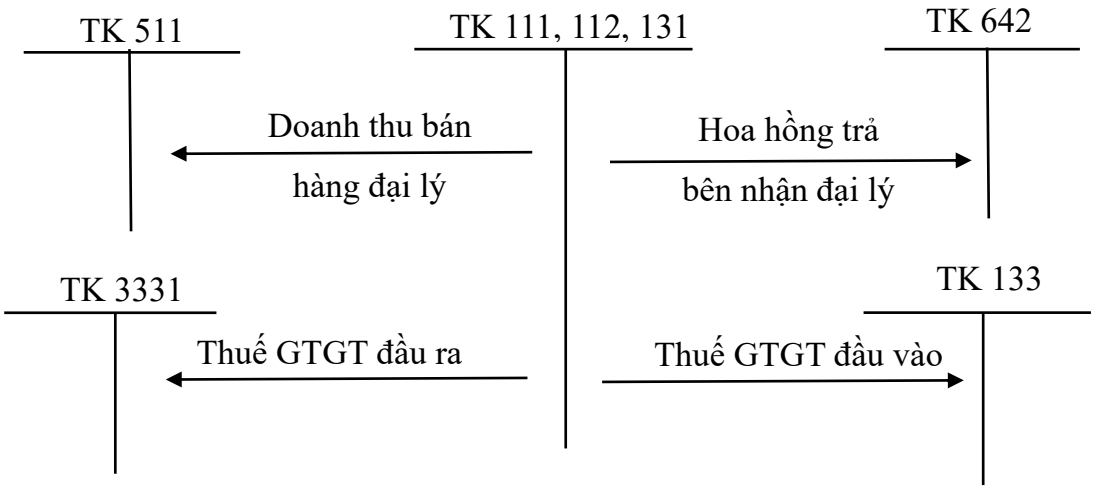

Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (Đối với bên giao hàng đại lý)

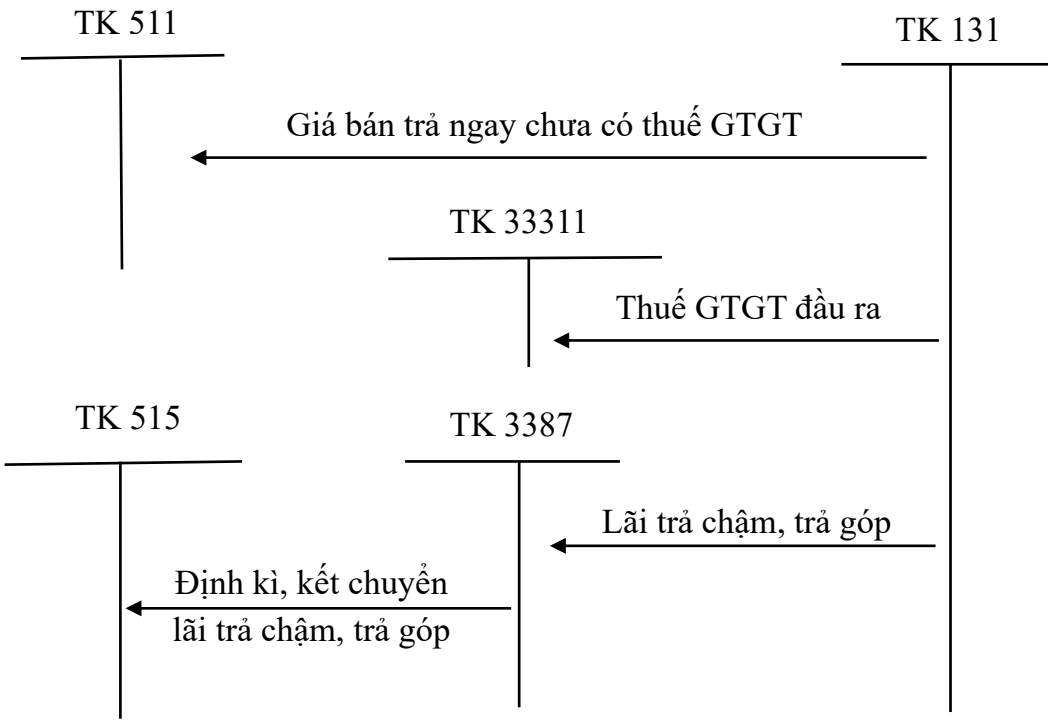

Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Nội dung

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- *Chiết khấu thương mại*: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- *Giảm giá hàng bán*: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém phẩm chất, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng,…

- *Hàng bán bị trả lại*: Là giá trị của một số thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế.

b. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều

chỉnh. Ngoài ra chứng từ kèm theo là các văn bản về chính sách chiết khấu thương mại của công ty.

- Giảm giá hàng bán: Biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê.

- Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua. Kèm theo các văn bản về lý do bị trả.

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán hạch toán vào bên Nợ TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

d. Phương pháp hạch toán

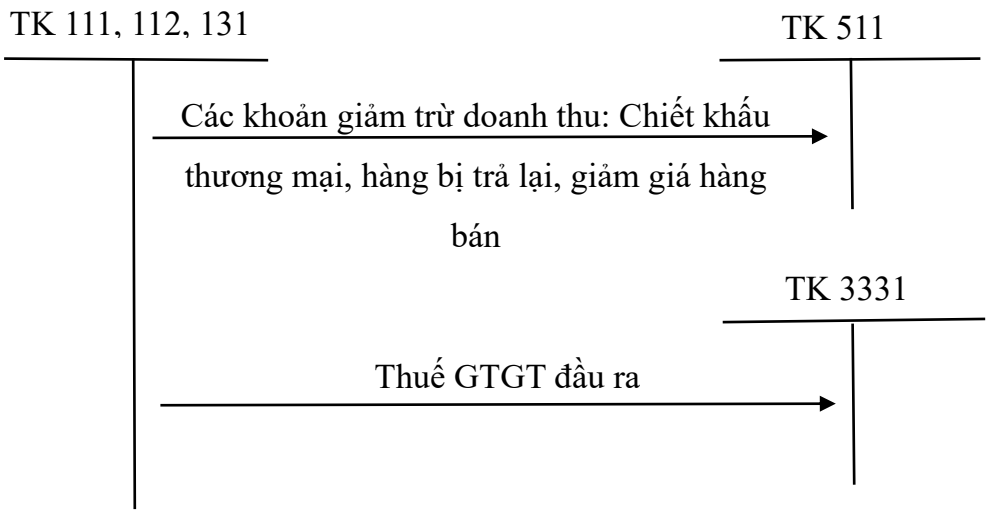

Sơ đồ 5: Sơ đồ hạch toán các tài khoản giảm trừ doanh thu

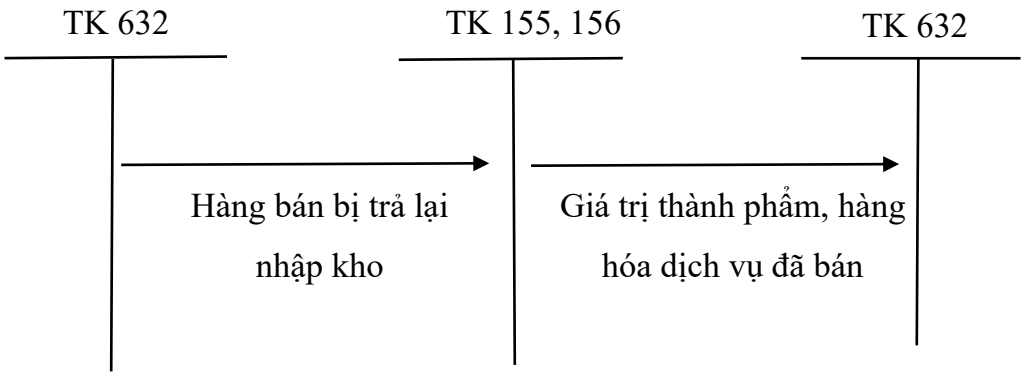

Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do người mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, …
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán liên quan khác

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

d. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 515**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản này không có số dư

e. Phương pháp hạch toán

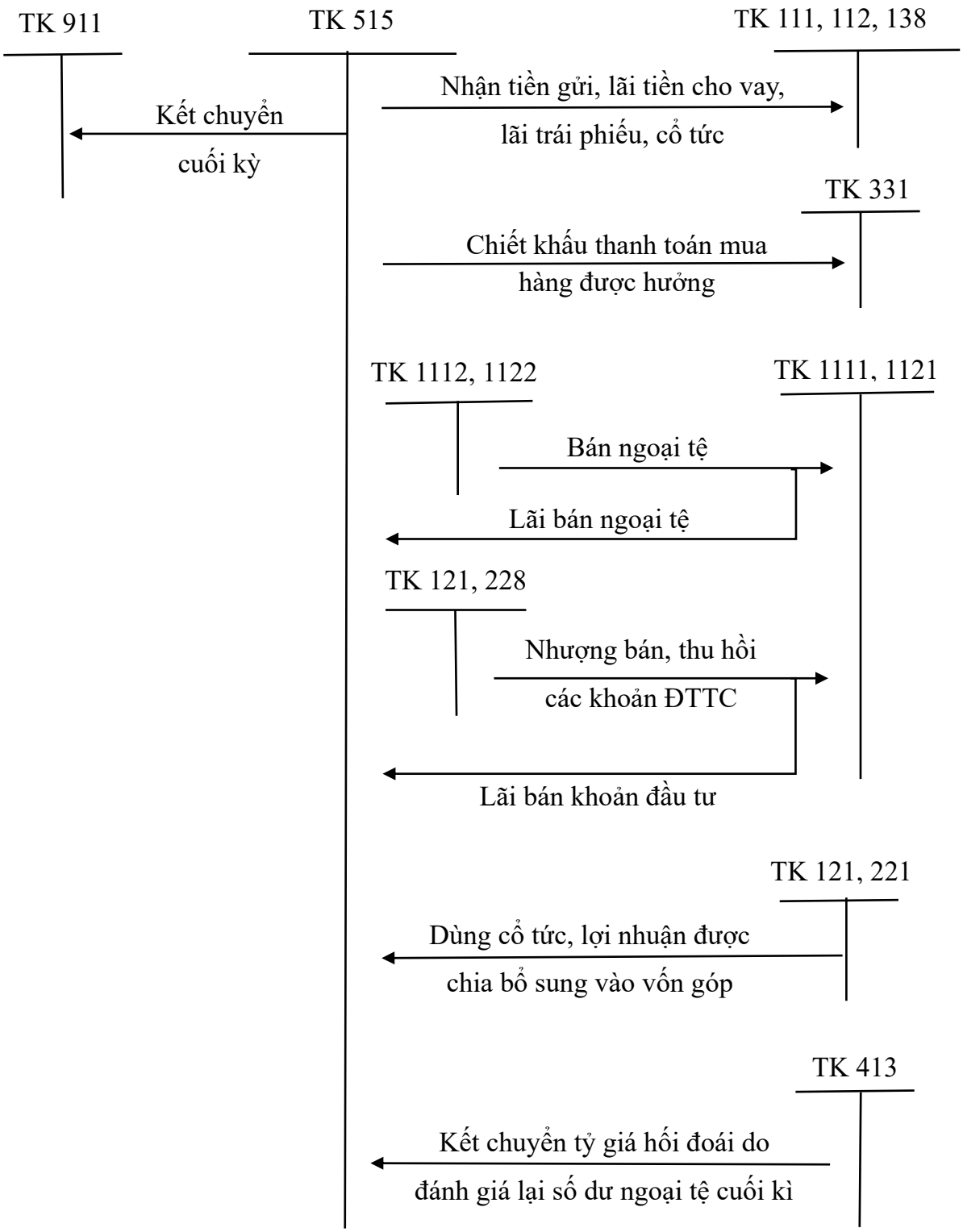

Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.4. Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung

Thu nhập khác là những khoản góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu ngoài hoạt động tạo ra doanh thu, bao gồm :

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu kế toán, giấy báo có
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng, quyết định, hóa đơn thanh lý, nhượng bán TSCĐ

c. Tài khoản sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

d. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 711**	**Có**
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì.

Tài khoản này không có số dư

e. Phương pháp hạch toán

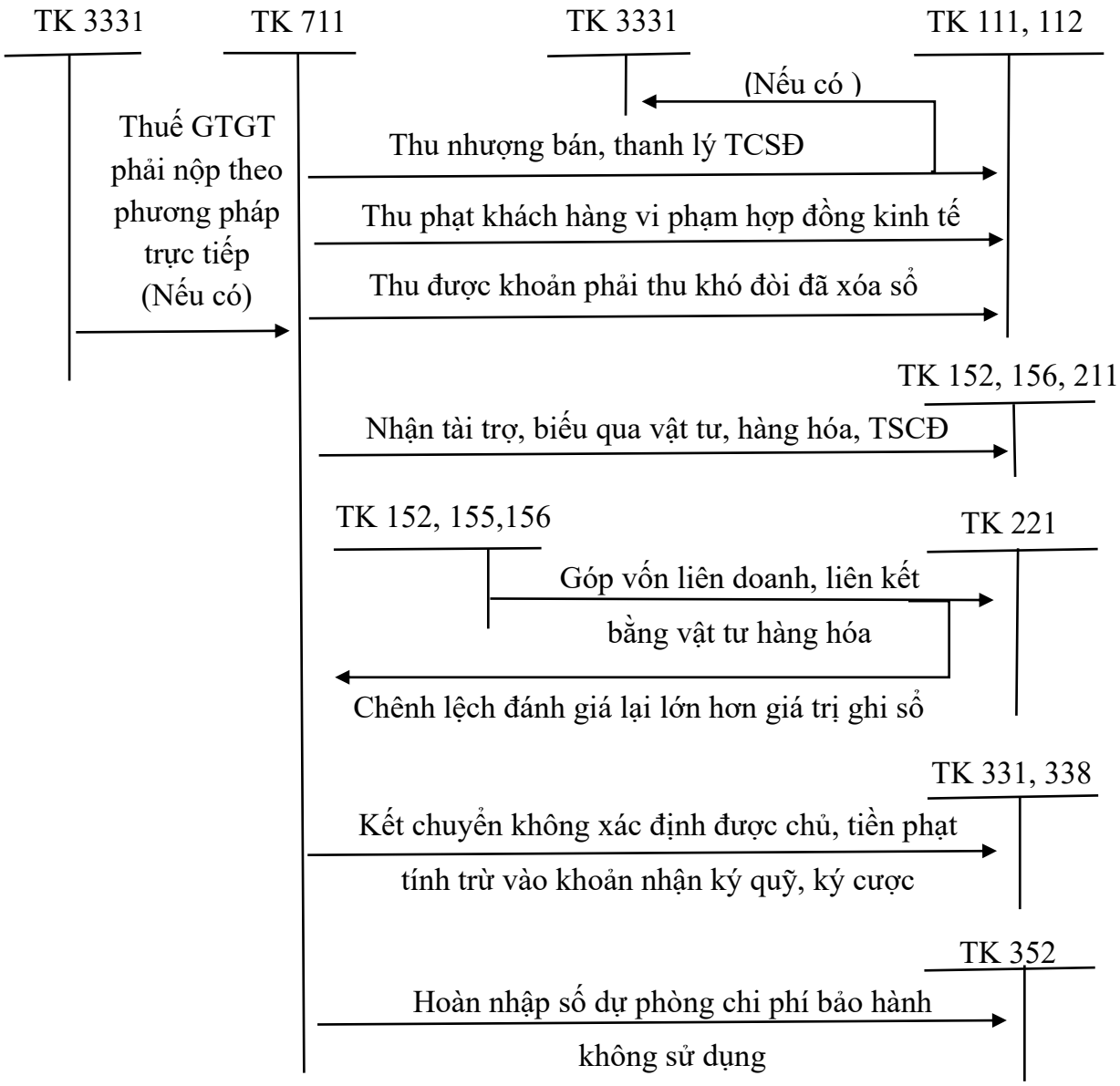

Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2. Kế toán chi phí

1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm

Theo Điều 63 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Giá vốn hàng bán là tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ đã được bán ra trong kỳ. Bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí thu mua, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hàng hóa, dịch vụ đã bán ra.

Khi xuất bán phải đánh theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

b. Đo lường giá vốn

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong ba phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong "Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho".

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO): Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá trị để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp thực tế đích danh: Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

Phương pháp bình quân gia quyền:

- Phương pháp bình quân cuối kỳ.

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức

Giá trị thực tế hàng i xuất dùng	=	Số lượng mặt hàng i tồn kho xuất dùng	x	Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại i

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Giá trị thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng i nhập trong kỳ

- Phương pháp bình quân thời điểm

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiền hành xác định lại đơn hía bình quân mới nhất.

Giá thực tế mặt hàng i xuất kho	=	Số lượng mặt hàng i xuất dùng	x	Đơn giá thực tế của hàng i sau lần nhập n

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho sau mỗi lần nhập n	=	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

c. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan

d. Tài khoản sử dụng

TK 632 - "Giá vốn hàng bán": Dùng để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

e. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 632**	**Có**
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi bù trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản này không có số dư

f. Phương pháp hạch toán

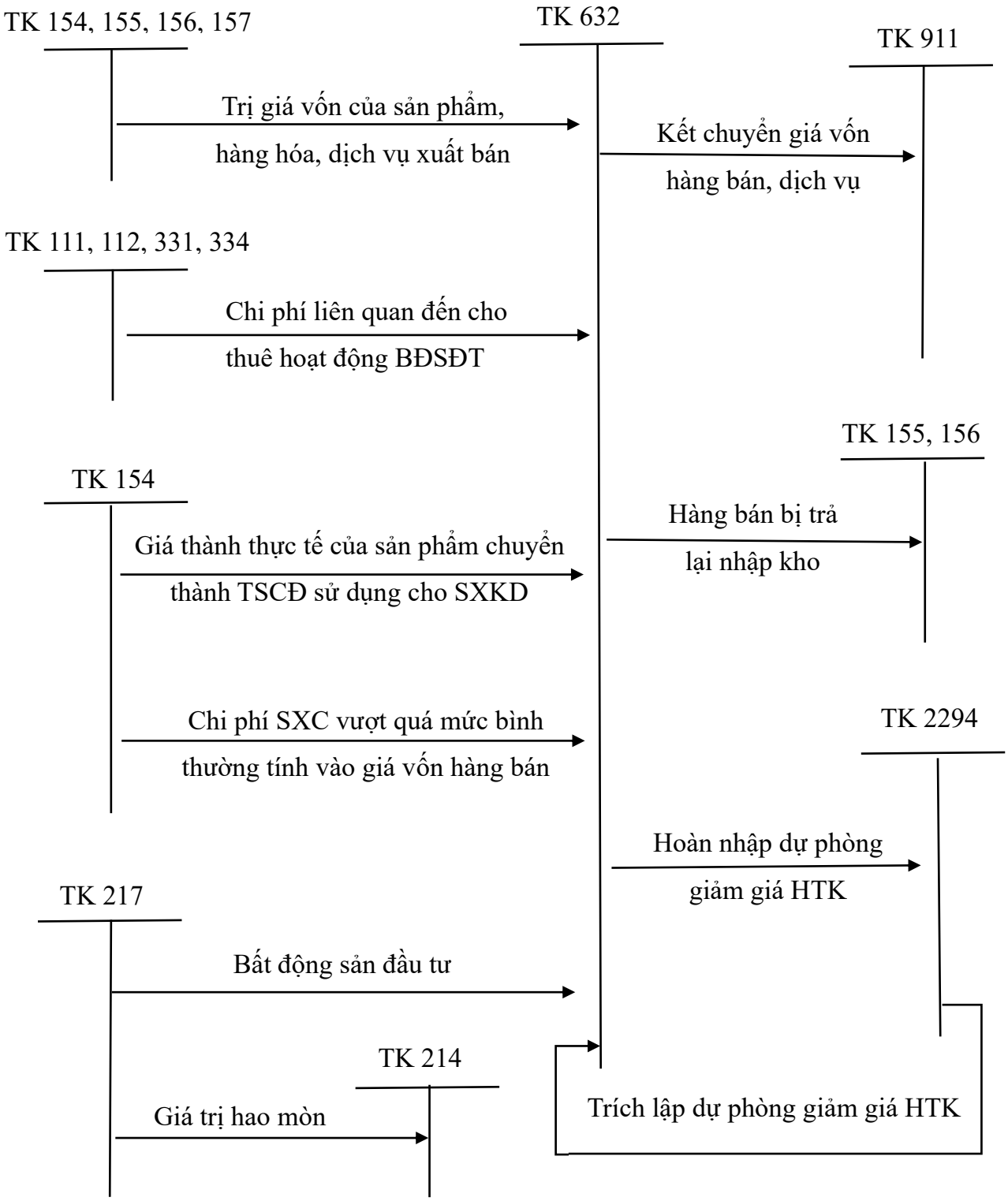

Sơ đồ 9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung

Chi phí tài chính là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi, thuê tài sản tài chính; Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Chi phí giao dịch bán chứng khoán; Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ.

Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác; Các khoản chi phí tài chính.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Số tiền vay Ngân hàng
- Và các chứng từ liên quan,…

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635- " Chi phí tài chính" dùng để phản ánh những chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

d. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 635**	**Có**
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Các khoản được ghi giảm chi chí tài chính. - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản này không có số dư

e. Phương pháp hạch toán

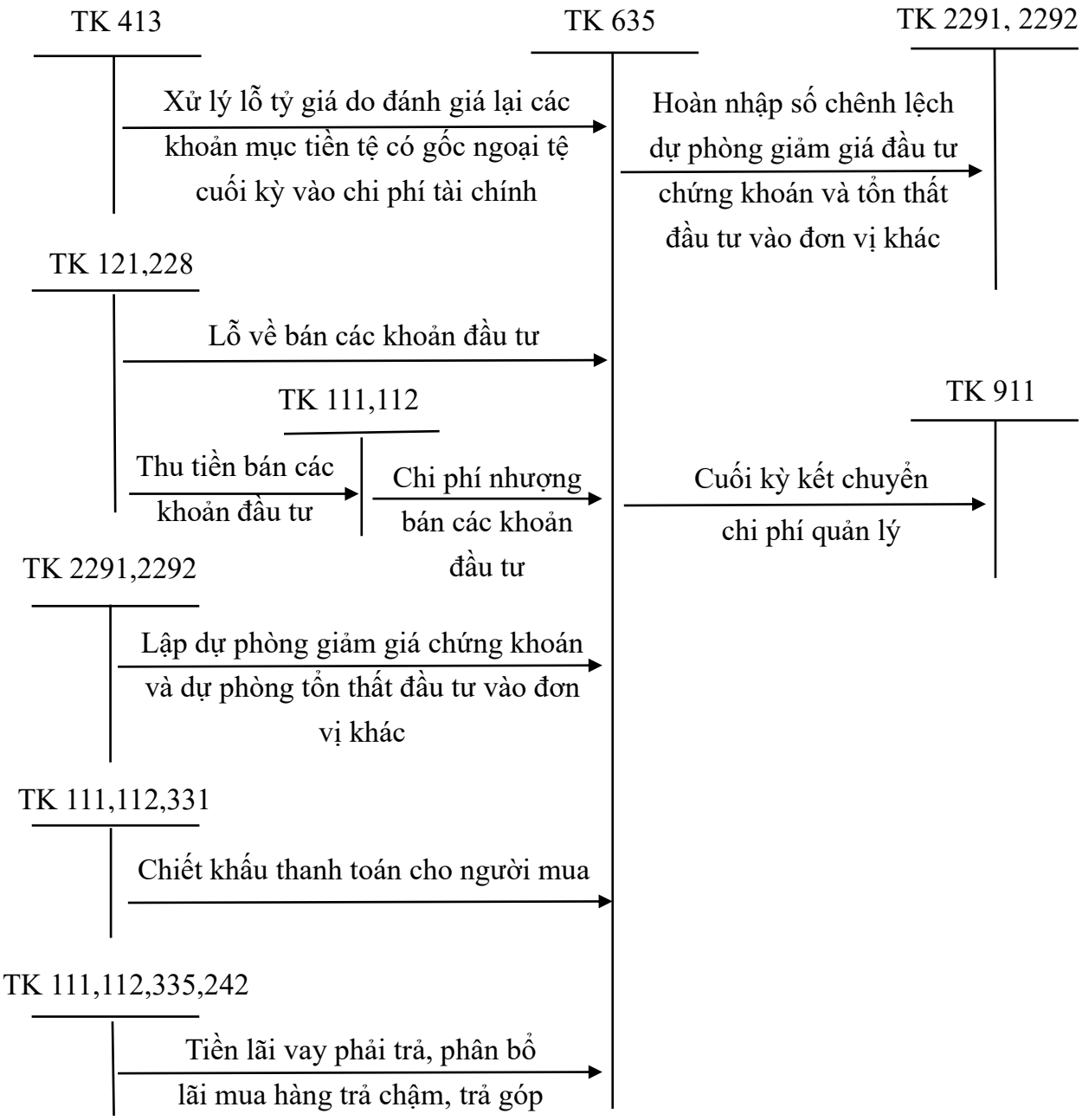

Sơ đồ 10: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên,

các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, hoa hồng bán hàng, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, …

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, …

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Phiếu Chi, Giấy báo nợ, Phiếu kế toán
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương, Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC.
- Thông báo nộp BHYT, BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN, Giấy nộp tiền vào NSNN.

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý kinh doanh" dùng để phản ánh các khoản chi phí kinh doanh như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .

- TK 6421- Chi phí bán hàng
- TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

d. Kết cấu tài khoản.

Nợ	**TK 642**	**Có**
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dư dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sủ dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản này không có số dư

e. Phương pháp hạch toán

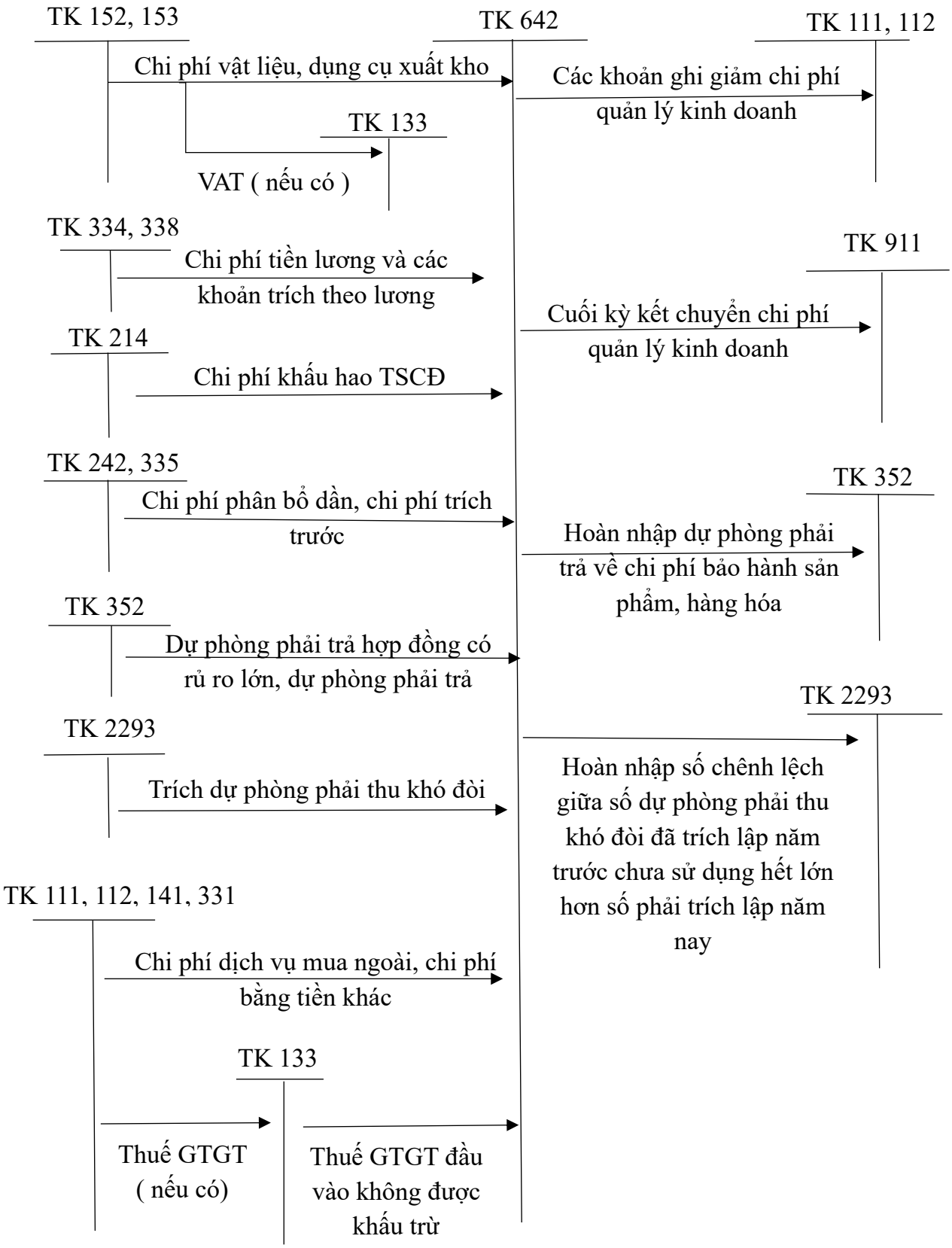

Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung

Kế toán chi phí khách phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính; Các khoản chi phí khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – "Chi phí khác": Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

d. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 811**	**Có**
- Các tài khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản này không có số dư

e. Phương pháp hạch toán

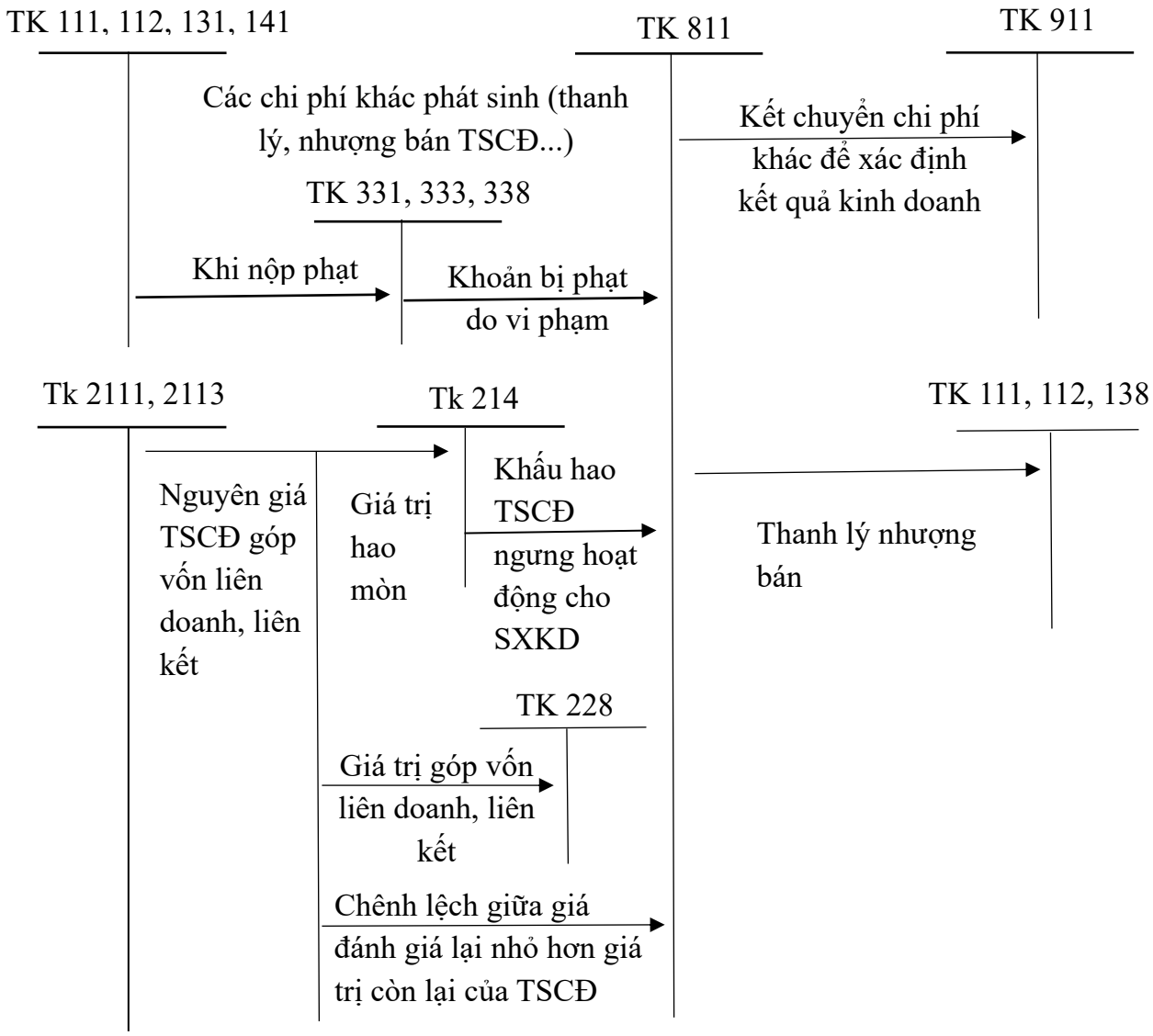

Sơ đồ 12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Nội dung

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp": Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

d. Kết cấu tài khoản

Nợ	**TK 821**	**Có**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải đi nộp trong năm. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản này không có số dư

e. Phương pháp hạch toán

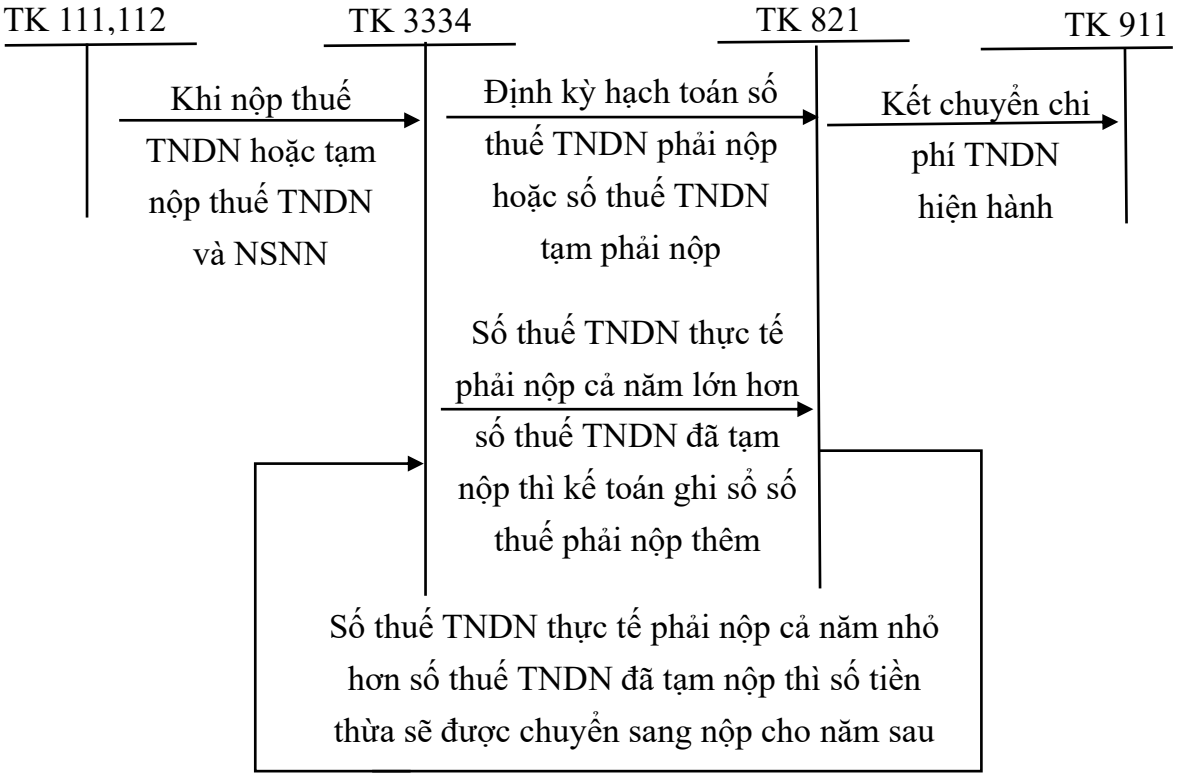

Sơ đồ 13: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN

1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Nội dung

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

b. Đo lường xác định kết quả kinh doanh

Lợi nhuận gộp	=	Doanh thu thuần về BH & CCDV	- Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	- Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	- Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Lợi nhuận kế toán trước thuế	- Chi phí thuế TNDN

c. Chứng từ sử dụng

- Bảng tính kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động khác
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

d. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh, tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp.

e. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, Chi phí khác, Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng. - Chi phí tài chính trong kỳ. - Kết chuyển số lãi từ hoạt động kinh doanh trong kỳ		- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. - Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. - Thu nhập khác trong kỳ. - Kết chuyển số lỗ từ hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản này không có số dư

f. Phương pháp hạch toán

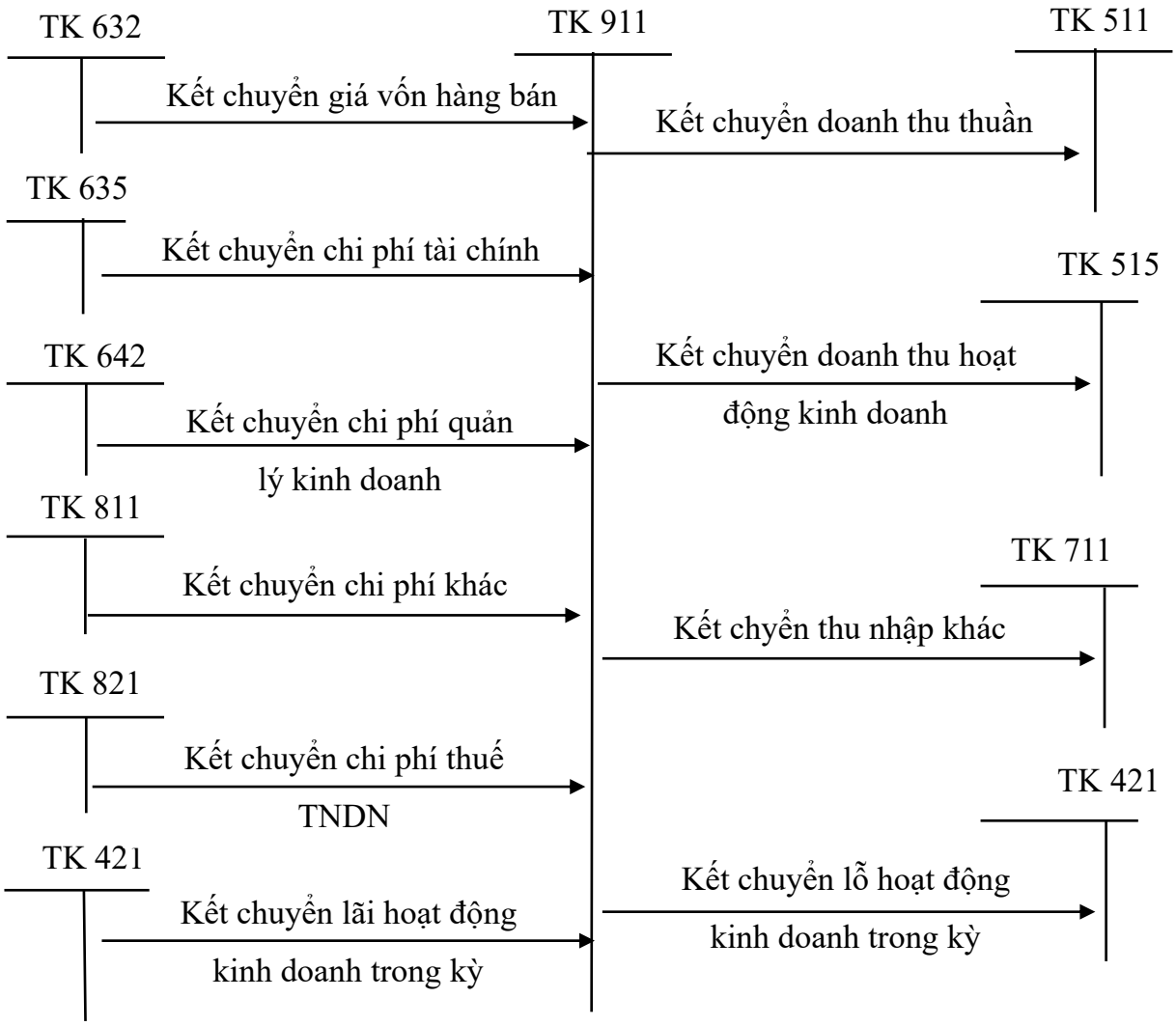

Sơ đồ 14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

2.1. Thông tin khái quát về Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn.

- Tên Công ty: Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn
- Mã số thuế: 3100275998
- Địa chỉ: Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Người đại diện: LÊ THỊ TRÚC
- Ngày thành lập: 12/12/2001
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Quản lý bởi: Thuế cơ sở 5 tỉnh Quảng Trị
- Loại hình Doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài nhà nước
- Tình trạng: Đang hoạt động (đã được cấp GCN ĐKT)
- Số điện thoại: 0905895559
- Ngành nghề chính: Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

2.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn.

Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn được thành lập ngày 12/12/2001, đánh dấu bước khởi đầu trong quá trình hình thành và phát triển trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và thương mại tại địa phương. Ngay từ những ngày đầu hoạt động, công ty đã xác định định hướng phát triển dựa trên các giá trị cốt lõi như uy tín, chất lượng và sự ổn định, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu thiết yếu cho người dân và các hoạt động sản xuất, vận tải.

Trong quá trình hoạt động, công ty từng bước đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, hệ thống phân phối và nâng cao chất lượng dịch vụ. Với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm, doanh nghiệp không chỉ đảm bảo nguồn cung xăng dầu ổn định mà còn tạo dựng được niềm tin với khách hàng tại địa phương. Bên cạnh đó, công ty cũng từng bước mở rộng ngành nghề kinh doanh sang các lĩnh vực như vận tải hàng hóa và buôn bán vật liệu xây dựng, góp phần đa dạng hóa hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Trải qua nhiều năm phát triển, Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn

đã không ngừng đổi mới, cải tiến phương thức quản lý và nâng cao chất lượng phục vụ. Nhờ đó, công ty ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và thương mại tại khu vực, trở thành đối tác tin cậy của nhiều khách hàng.

Với phương châm hoạt động hướng đến sự an toàn, hiệu quả và bền vững, công ty cam kết tiếp tục phát triển ổn định, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương trong thời gian tới.

2.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn

2.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.

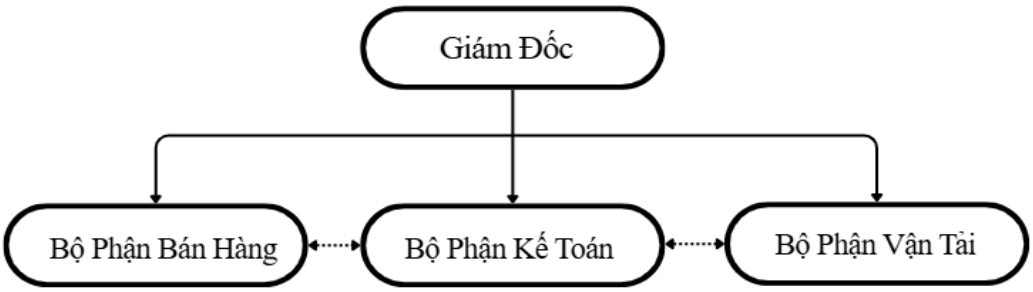

Chú thích:

: Mối quan hệ chức năng

: Mối quan hệ trực tuyến

Sơ đồ 15: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

Giám đốc: Là người phụ trách điều hành toàn diện các hoạt động của doanh nghiệp, giám đốc phân công nhiệm vụ cho các phòng ban chức năng nhằm tối ưu hóa nguồn lực theo đúng kế hoạch, chính sách và quy định pháp luật. Ngoài ra, giám đốc còn là đại diện pháp lý của công ty, có quyền ra quyết định cuối cùng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động kinh doanh.

Bộ phận kế toán: Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ quy trình nhập – xuất hàng hóa, giám sát mức tồn kho tối thiểu và tổ chức sắp xếp hàng hóa trong kho theo đúng tiêu chuẩn quy định. Bộ phận này cũng thực hiện việc lập các chứng từ nhập kho và xuất kho trước khi giao nhận hàng hóa, cung cấp thông tin báo giá cho các bộ phận liên quan (bao gồm cả bộ phận bán hàng) và ghi nhận, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh của công ty.

Bộ phận bán hàng: Đảm nhận việc xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ

với khách hàng, qua đó góp phần thúc đẩy doanh thu và mở rộng thị trường. Ngoài ra, bộ phận này còn giám sát, đánh giá hiệu quả kinh doanh và thu thập phản hồi từ khách hàng nhằm cải tiến quy trình bán hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Sự phối hợp linh hoạt và hiệu quả của bộ phận bán hàng là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp đạt được sự thành công và phát triển bền vững.

Bộ phận vận tải: Tổ chức, quản lý và điều phối hoạt động vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu và nhiên liệu, đảm bảo giao nhận đúng thời gian, đúng địa điểm, an toàn và tiết kiệm chi phí; đồng thời kiểm soát và nâng cao hiệu quả hoạt động vận chuyển. Ngoài ra, bộ phận này còn có nhiện vụ lập kế hoạch vận chuyển, điều phối và thuê phương tiện phù hợp, theo dõi quá trình vận chuyển, đảm bảo an toàn hàng hóa và phương tiện, xử lý các sự cố phát sinh, quản lý và bảo dưỡng phương tiện, kiểm soát chi phí vận tải, đồng thời lập báo cáo và đánh giá hiệu quả để cải tiến công tác vận chuyển.

2.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn

2.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán.

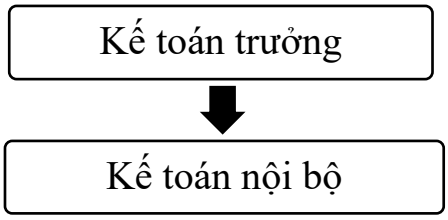

Chú thích:

: Mối quan hệ chỉ đạo

Sơ đồ 16: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

2.4.2. Nhiệm vụ, chức năng của từng phần hành kế toán

Kế toán trưởng: Là người đứng đầu bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ hoạt động của hệ thống kế toán trong công ty. Ngoài ra, người này hỗ trợ giám đốc thông qua việc phân tích các số liệu kinh doanh, phê duyệt chứng từ và rà soát các hợp đồng kinh tế trước khi trình lên giám đốc để phê duyệt. Tổng hợp các số liệu và trình bày báo cáo tài chính giúp cho giám đốc trong việc đưa ra quyết định. Ngoài ra là người tiếp nhận, phổ biến, trình đạt thông tin, giám sát phân công nhiện vụ cho kế toán viên.

Kế toán nội bộ:

- Theo dõi tình hình thu, nhận công nợ với khách hàng, dựa vào tình hình kinh tế

để quyết định thực hiện hoặc dời thời gian thu hồi nợ, lên danh sách công nợ, nợ xấu và báo cáo.

- Lập chứng từ xuất kho, nhập kho, hóa đơn thu chi, hóa đơn bán hàng, lập yêu cầu chiết khấu, kiểm tra doanh thu hằng ngày, đối chiếu số lượng hàng hóa ghi trên sổ với hàng hóa trong khi kết ca.

- Theo dõi quản lý hàng hóa trong kho, quản lý và gửi báo cáo về vấn đề xuất, nhập và tồn hàng hóa.

- Theo dõi quản lý và chịu trách nhiệm quỹ tiền mặt, tiến hành thu chi cho nhân viên.

- Soạn thảo và lưu trữ hợp đồng lao động, điều hành cơ chế trả lương: cách tính và thanh toán lương.

2.5. Hình thức ghi sổ kế toán của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn và trình tự luân chuyển chứng từ.

2.5.1. Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật kí chung.

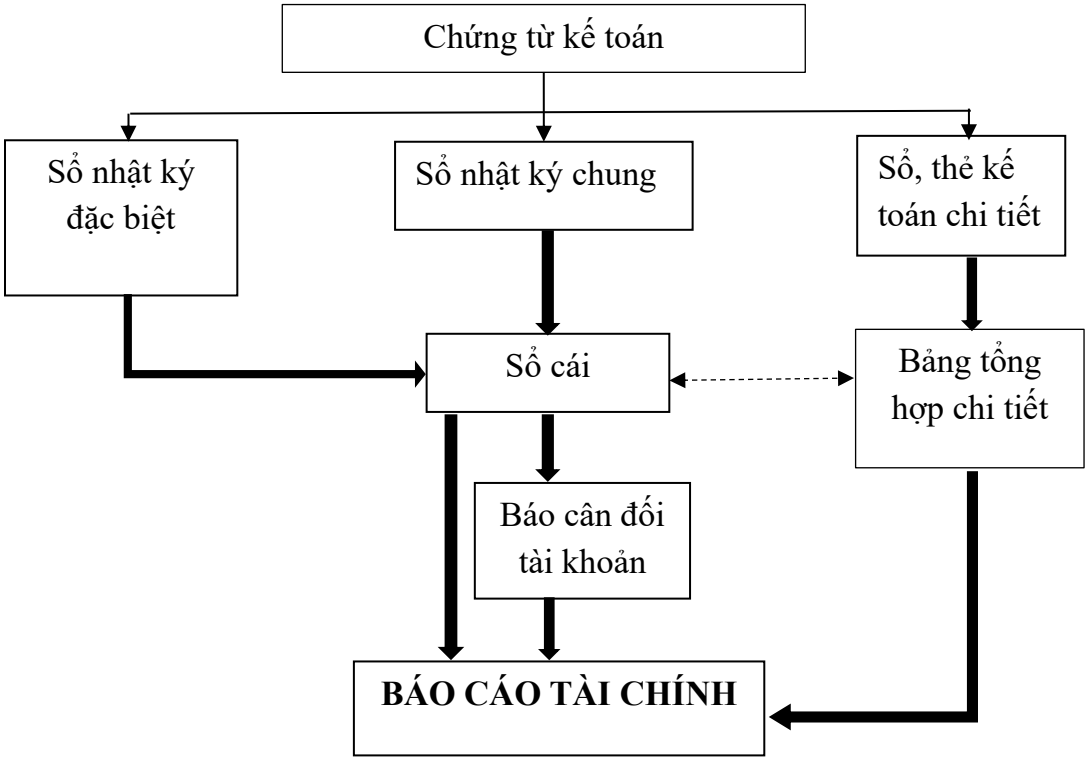

Chú thích:

- Đối chiếu, kiểm tra:
- Ghi hằng ngày:
- Ghi cuối tháng:

Sơ đồ 17: Trình tự ghi sổ kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán.

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán dịch vụ ghi vào sổ Nhật ký chung, từ đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán đã phát sinh được ghi sổ Nhật ký chung. Trong kỳ đã sử dụng bao nhiêu tài khoản thì sẽ có bấy nhiêu Sổ cái tương ứng với các tài khoản đó.
- Đồng thời căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán dịch vụ ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Trường hợp, công ty mở Sổ nhật ký đặc biệt thì hằng ngày căn cứ vào các chứng từ căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký đặc biệt liên quan.
- Định kỳ tổng hợp sổ Nhật ký đặc biệt lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái. Định kỳ, kế toán dịch vụ tiến hành cộng sổ, thẻ kế toán chi tiết để ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết và cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối tài khoản.
- Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết thì lập Báo cáo tài chính.
- Cuối niên độ, kế toán tổng hợp lại và đóng thành quyển.

2.5.2. Kế toán theo hình thức ghi sổ trên máy tính.

- Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính bằng phần mềm kế toán MISA ASP.

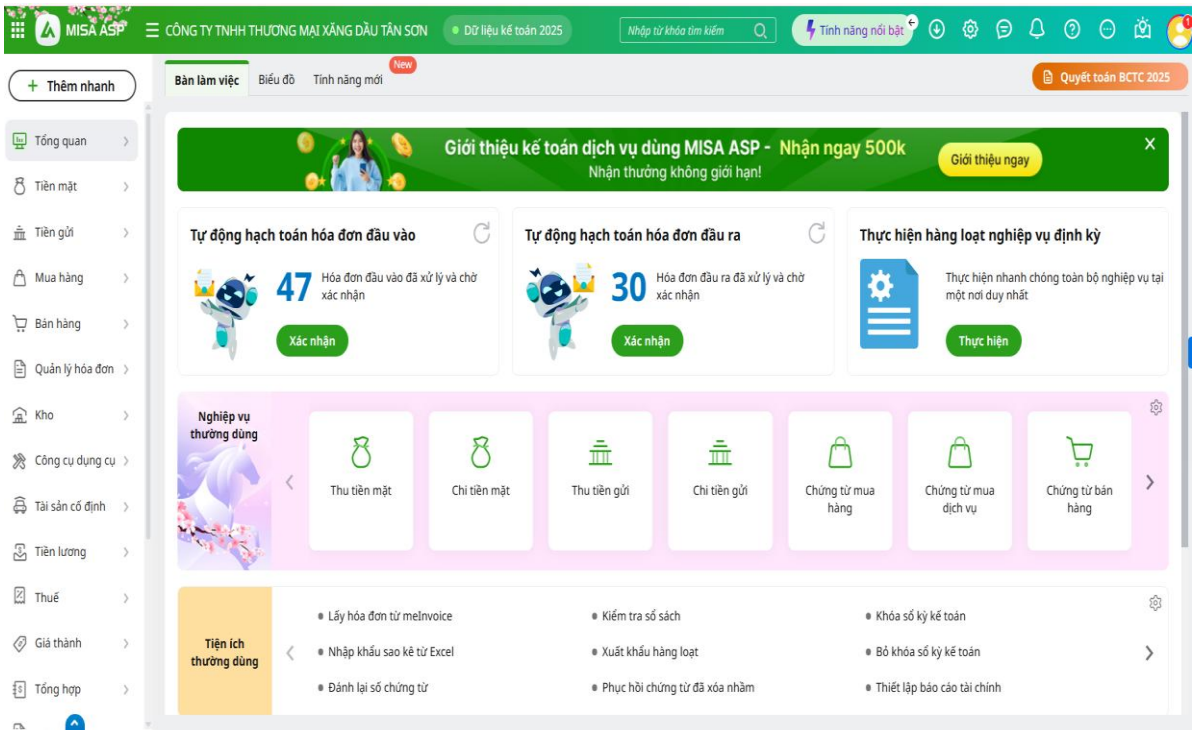

Hình 1: Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán MISA ASP của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn

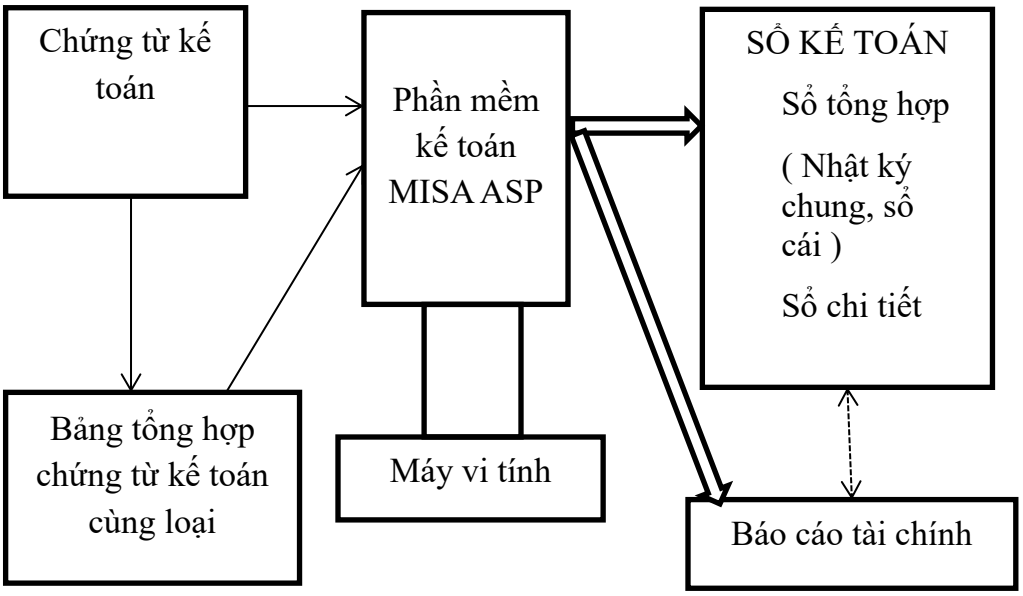

Chú thích:

: Nhập số liệu hằng ngày

: In sổ, báo cáo cuối tháng hoặc cuối kỳ

: Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 18. Trình tự ghi sổ trên máy vi tính của Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính.

- Hằng ngày, kế toán theo dõi thu thập chứng từ kế toán bao gồm hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu và các chứng từ liên quan khác. Nếu nhiều chứng từ cùng loại, kế toán sẽ lập bảng tổ hợp chứng từ để dễ kiểm tra và theo dõi.

- Tiếp theo, xác định các tài khoản ghi Nợ, các tài khoản ghi Có và tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán **MISA ASP**. Rồi khi nhập liệu thông tin sẽ được cập nhật tự động vào các báo cáo sổ có trong phần mềm. Định kỳ căn cứ vào yêu cầu để tiến hành in các mẫu sổ và báo cáo tài chính.

- Cuối năm, kế toán tổng hợp thực hiện các thao tác khóa sổ, cộng sổ, lập báo cáo tài chính kiểm tra đối chiếu dữ liệu, chứng từ. Việc này đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc nhập liệu trong kỳ và sau đó đối chiếu với dữ liệu được in ra sổ sách báo cáo tài chính.

2.6. Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn

- Công ty thực hiện chế độ kế toán theo quy định của Việt Nam, cụ thể là Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 26/08/2016. Hệ thống kế toán tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

- Chu kỳ kế toán của công ty được xác định theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân thời điểm.

- Đối với tài sản cố định, công ty lựa chọn phương pháp khấu hao theo đường thẳng nhằm phân bổ chi phí tài sản một cách hợp lý trong suốt thời gian sử dụng.

2.7. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn

2.7.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác.

2.7.1.1. Kế toán doanh thu bán bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511-Doanh thu bán bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu tại Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn phát sinh chủ yếu từ việc bán hàng hóa (Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng..) và vận tải hàng hóa bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ. Cho nên công ty sử dụng 2 tài khoản chi tiết doanh thu, cụ thể như sau:

- TK 5111 "Doanh thu bán hàng hóa" phản ánh doanh thu từ việc bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

- TK 5113 "Doanh thu cung cấp dịch vụ" phản ánh doanh thu từ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ.

b. Chứng từ kế toán sử dụng.

Chứng từ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)
- Phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng .

c. Sổ sách kế toán sử dụng.

- Nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK 5111.
- Sổ cái TK 511.

d. Đối với doanh thu bán hàng tại Công ty:

Trích số liệu thực tế năm 2025 tại Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn.

❖ Đối với bán hàng thu bằng tiền mặt:

Khách hàng đến cây xăng và yêu cầu đổ xăng. Nhân viên tiến hành bơm xăng, hệ thống tự động tính tiền. Sau khi bơm xong, khách hàng thanh toán tiền mặt. Khách hàng yêu cầu xuất hóa đơn GTGT, nhân viên chuyển thông tin cho kế toán**.** Kế toán lập hóa đơn GTGT bằng cách vào phần mềm hóa đơn điện tử VNPT để xuất hóa đơn GTGT và gửi hóa đơn GTGT cho khách hàng.

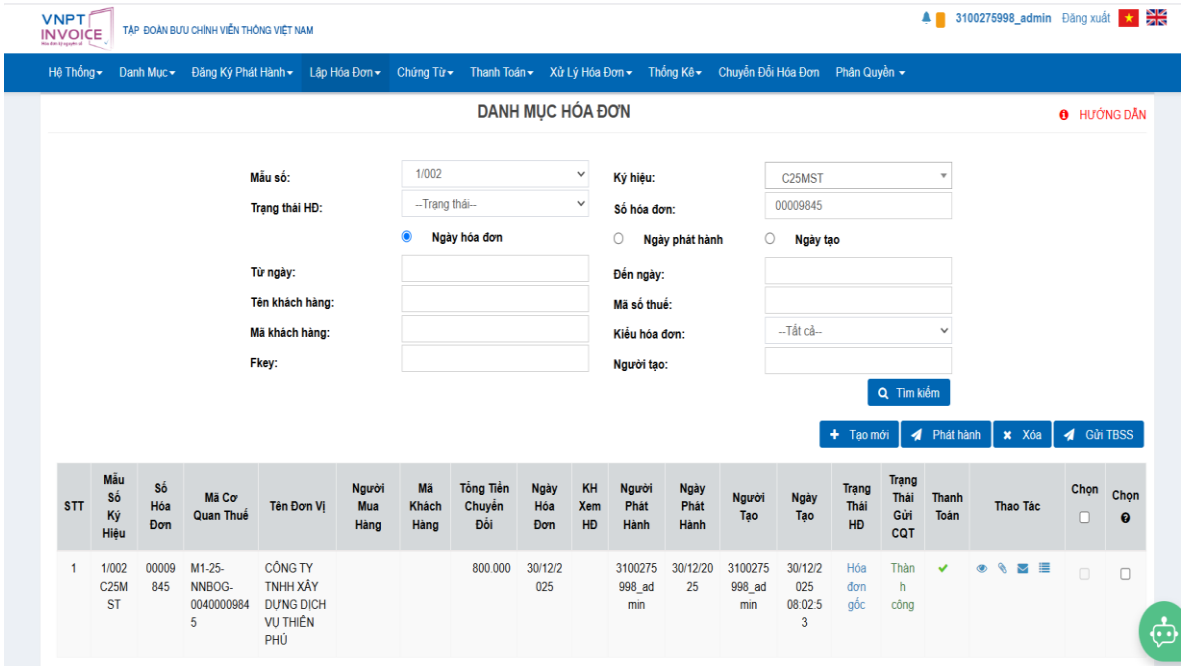

Hình 2: Giao diện phần mềm hóa đơn điện tử VNPT

Khi phát hành cơ quan thuế đã gửi mã và số hóa đơn như hình hóa đơn GTGT bên dưới:

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

Mã của cơ quan thuế: M1-25-NNBOG-00400009845

Ký hiệu: 1C25MST
Số: 00009845

Tên đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN**
Mã số thuế: 3 1 0 0 2 7 5 9 9 8
Địa chỉ: Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Số điện thoại: 0914582968
Số tài khoản: 119000087739
Ngân hàng: Ngân hàng Viettinbank

Tên người mua hàng:
Tên đơn vị mua hàng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ**
Địa chỉ: Thôn Lộc Xá, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Mã số thuế: 3101114714 **Căn cước công dân:**
Mã ĐVQHNS:
Số điện thoại: **Hình thức thanh toán:** Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	Lít	45,48	16.287,037	740.741

Thuế suất GTGT:**8%**	Cộng tiền hàng:	**740.741**
	Tổng tiền chiết khấu thương mại:	
	Tiền thuế GTGT:	**59.259**
	Tổng cộng tiền thanh toán:	**800.000**

Số tiền viết bằng chữ: *Tám trăm nghìn đồng chẵn.*

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Tra cứu tại website: *https://3100275998-tt78.vnpt-invoice.com.vn -* ***Mã tra cứu:CH00000524-CB03-00122-0017520251230***
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình 3: Hóa đơn GTGT số 00009845

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00009845, ký hiệu 1C25MST ngày 30/12/2025 kế toán đã lập trên web hóa đơn điện tử VNPT, kế toán vào phần mềm MISA ASP đăng nhập tài khoản.

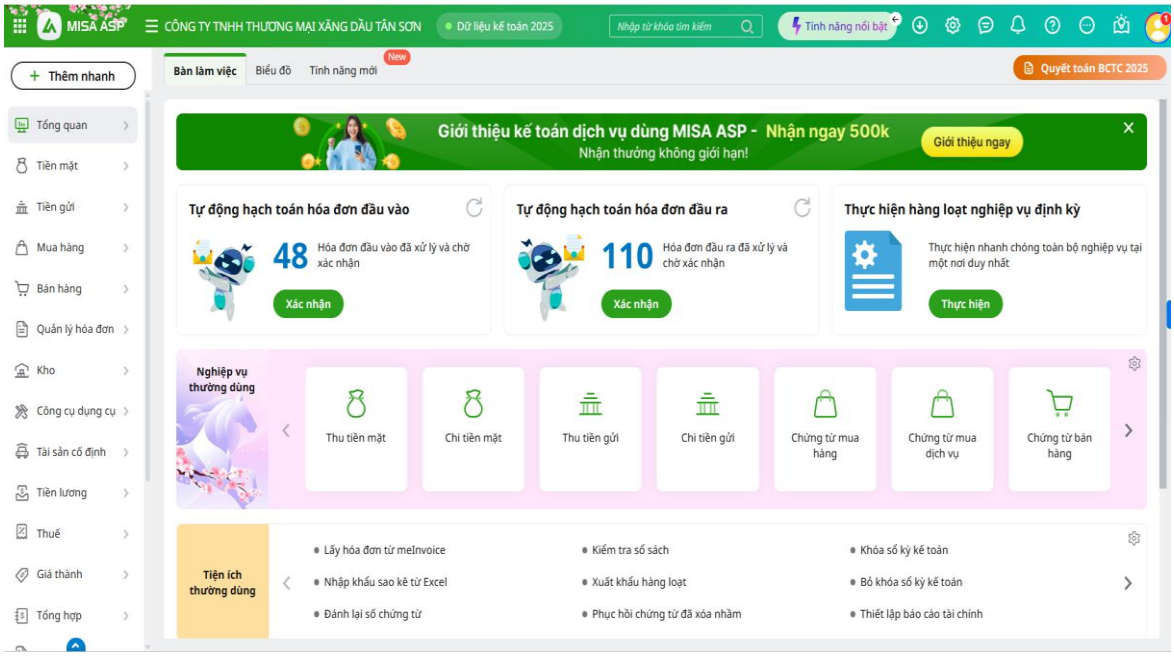

Hình 4: Giao diện đăng nhập tài khoản MISA ASP

Sau khi đăng nhập -> Chọn quản lý hóa đơn-> Chọn hóa đơn đầu ra -> Chọn hóa đơn và lập hóa đơn bán hàng -> Nhập dữ liệu lên phần mềm -> Lưu. Phần mềm sẽ tự động hiển thị như sau:

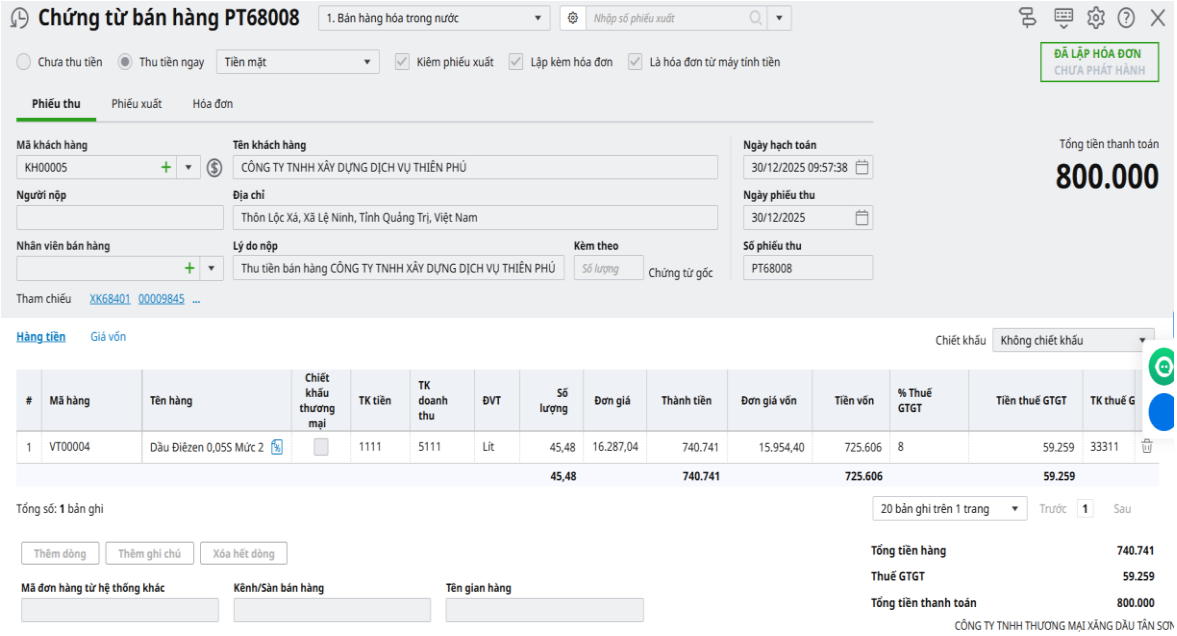

Hình 5: Giao diện hạch toán chứng từ số 00009845

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 30 tháng 12 năm 2025

Quyển số: .....
Số: PT68008
Nợ: 1111
Có: 5111, 33311

Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ
Địa chỉ: Thôn Lộc Xá, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ theo hóa đơn số 00009845
Số tiền: **800.000 VND**
Viết bằng chữ: ***Tám trăm nghìn đồng.***
Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Hình 6: Phiếu thu cho hóa đơn số 00009845

Sau khi kế toán nhập dữ liệu lên phần mềm và nhấn lưu thì phần mềm sẽ tự lên sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111.

Sổ Nhật ký chung

Sổ cái TK 511

Sổ chi tiết TK 5111

- **Đối với Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Trích nghiệp vụ ngày 03/03 tại công ty, sau khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Đại Nam GL, kế toán vào phần mềm hóa đơn VNPT xuất hóa đơn và gửi mail cho khách hàng.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Ngày 03 tháng 03 năm 2025
Mã CQT: 00E02564EA9B044D43A753FBD4217EB988

Ký hiệu: **1C25TTS**
Số: **00000097**

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN**
Mã số thuế : **3100275998**
Địa chỉ : Xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình
Điện thoại : 0232 3996286 - 0905 895 559
Số tài khoản : 3802201001750 Phòng giao dịch Mỹ Đức - NH NN&PTNT Lệ Thủy, Quảng Bình

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI NAM GL
Mã số thuế: 5901209091
Địa chỉ: 160 Nguyễn Lương Bằng, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Vận chuyển MDF từ Bình Phước về Gia Lai	Chuyến	1,00	13.425.926,000	13.425.926
				Cộng tiền hàng:	13.425.926
Thuế suất GTGT:	8 %			Tiền thuế GTGT:	1.074.074
				Tổng cộng tiền thanh toán:	14.500.000
Số tiền viết bằng chữ:	***Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.***				

TÂN SƠN

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Ký ngày: 03/03/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: 3JH5C927J5_B
Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/

Hình 7. Hóa đơn GTGT số 00000097

Khi kế toán phát hành hóa đơn đã có mã của cơ quan thuế, kế toán vào phần mềm MISA ASP -> Vào quản lý hóa đơn -> Chọn hóa đơn đầu ra -> Chọn hóa đơn và lập chứng từ bán dịch vụ -> Nhập dữ liệu.

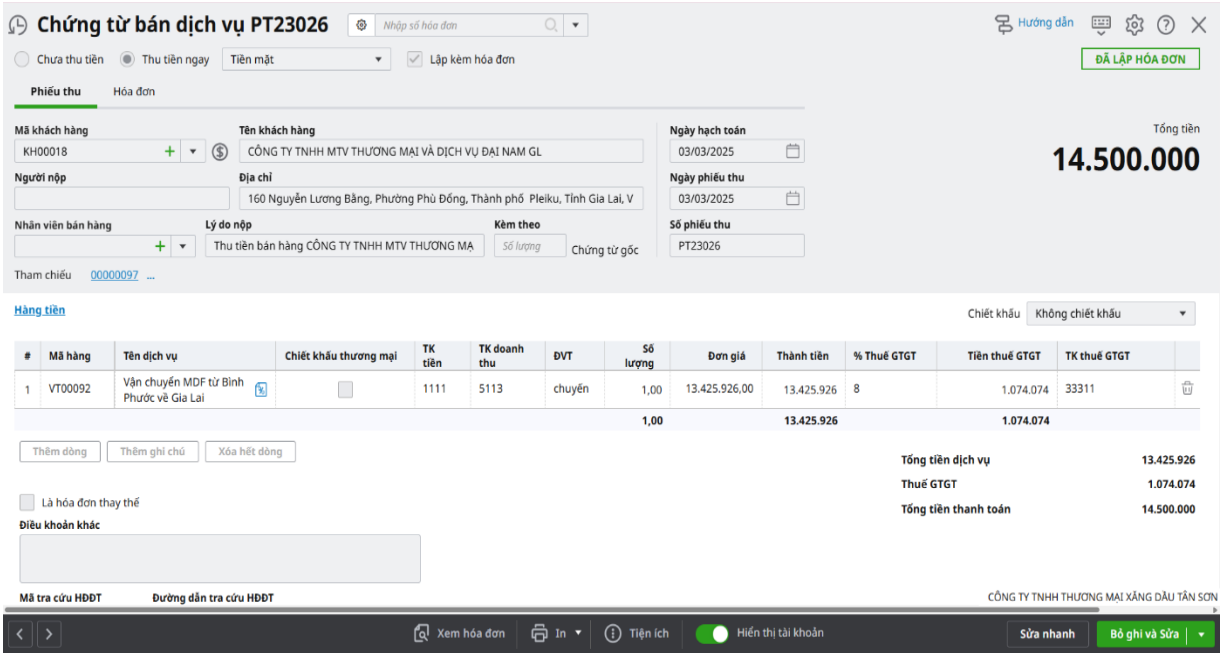

Hình 8: Giao diện hạch toán chứng từ số 00000097

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 03 tháng 03 năm 2025

Quyển số: .....
Số: PT23026
Nợ: 1111
Có: 5113, 33311

Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI NAM GL
Địa chỉ: 160 Nguyễn Lương Bằng, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI NAM GL theo hóa đơn số 00000097
Số tiền: **14.500.000 VND**
Viết bằng chữ: ***Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng.***
Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2025

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Hình 9: Phiếu thu cho hóa đơn số 00000097

Sau khi kế toán nhập dữ liệu lên phần mềm và nhấn lưu thì phần mềm sẽ tự lên sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết 5111,5113.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/03/2025	03/03/2025	PT23026	Vận chuyển MDF từ Bình Phước về Gia Lai	1111	5113	13.425.926	
03/03/2025	03/03/2025	PT23026	Vận chuyển MDF từ Bình Phước về Gia Lai	5113	1111		13.425.926
03/03/2025	03/03/2025	PT23026	Thuế GTGT - Vận chuyển MDF từ Bình Phước về Gia Lai	1111	33311	1.074.074	
03/03/2025	03/03/2025	PT23026	Thuế GTGT - Vận chuyển MDF từ Bình Phước về Gia Lai	33311	1111		1.074.074
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12/2025	30/12/2025	PT68008	Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	1111	5111	740.741	
30/12/2025	30/12/2025	PT68008	Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	5111	1111		740.741
30/12/2025	30/12/2025	PT68008	Thuế GTGT - Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	1111	33311	59.259	
30/12/2025	30/12/2025	PT68008	Thuế GTGT - Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	33311	1111		59.259
30/12/2025	30/12/2025	XK68401	Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	632	156	725.606	
30/12/2025	30/12/2025	XK68401	Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	156	632		725.606
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**95.236.432.783**	**95.236.432.783**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 10: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025 (trích)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
01/01/2025	PT00008	01/01/2025	Thu tiền bán hàng Người mua không lấy hóa đơn theo hóa đơn số 00000001			1111		90.909
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/03/2025	**PT23026**	**03/03/2025**	**Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI NAM GL theo hóa đơn số 00000097**			**1111**		**13.425.926**
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12/2025	**PT68008**	**30/12/2025**	**Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ theo hóa đơn số 00009845**			**1111**		**740.741**
31/12/2025	PT67401	31/12/2025	Thu tiền bán hàng Người mua không lấy hóa đơn theo hóa đơn số 00010107			1111		41.667
31/12/2025	PT67402	31/12/2025	Thu tiền bán hàng Người mua không lấy hóa đơn theo hóa đơn số 00010108			1111		92.593
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			- Cộng số phát sinh				**9.816.935.094**	**9.816.935.094**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**9.816.935.094**	**9.816.935.094**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 11: Sổ cái 511

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

S19-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111 - Doanh thu bán hàng hóa, Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 5111 - Doanh thu bán hàng hóa								
			Số dư đầu kỳ					
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12/2025	30/12/2025	PT67400	Xăng RON95 Mức 3	1111		35.185		8.504.008.577
30/12/2025	**30/12/2025**	**PT68008**	**Dầu Điêzen 0,05S Mức 2**	**1111**		**740.741**		**8.504.749.318**
30/12/2025	30/12/2025	PT68157	Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	1111		925.926		8.506.841.911
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	8.527.791.864			
			Cộng		**8.527.791.864**	**8.527.791.864**		
Tổng cộng					**8.527.791.864**	**8.527.791.864**		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Thủ kho	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 12: Sổ chi tiết tài khoản 5111

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

S19-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ, Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ								
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/01/2025	21/01/2025	PT68212	Vận chuyển MDF từ Bình Phước về Pleiku	1111		13.796.296		132.793.750
28/02/2025	28/02/2025	BDV00005	Thuê xe vận chuyển nhiên liệu	131		150.723.066		283.516.816
03/03/2025	**03/03/2025**	**PT23026**	**Vận chuyển MDF từ Bình Phước về Gia Lai**	**1111**		**13.425.926**		**296.942.742**
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	1.289.143.230			
			Cộng		**1.289.143.230**	**1.289.143.230**		
Tổng cộng					**1.289.143.230**	**1.289.143.230**		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 13: Sổ chi tiết tài khoản 5113

2.7.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Tài khoản sử dụng

Công ty dùng TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính" để phản ánh lãi tiền gửi ngân hàng.

b. Chứng từ sử dụng

- Chứng từ giao dịch
- Sổ phụ ngân hàng

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515

d. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

Cứ cuối tháng công ty nhận được 2 nguồn lãi tiền gửi từ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với số tiền lãi nhận được trong năm là 8.200 đồng và từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với số tiền lãi công ty nhận được trong năm là 53.270 đồng.

Ngày (Date)	Ghi chú (Remark)	Nợ (Dr)	Có (Cr)	Số dư (Balance)	Số thăm chiếu (Ref.no)
01/01/2025	DINH THI THUY NGOC chuyen tien		6.000.000,00	9.425.310,00	
31/01/2025	**Tra lai tien gui TK**		**860,00**	**8.287.100,00**	
28/02/2025	**Tra lai tien gui TK**		**420,00**	**4.639.120,00**	
31/03/2025	**Tra lai tien gui TK**		**650,00**	**7.102.000,00**	
30/04/2025	**Tra lai tien gui TK**		**710,00**	**7.230.025,00**	**129088**
31/05/2025	**Tra lai tien gui TK**		**750,00**	**7.739.001,00**	
30/06/2025	**Tra lai tien gui TK**		**700,00**	**7.256.111,00**	**156842**
31/07/2025	**Tra lai tien gui TK**		**860,00**	**8.712.037,00**	**165242**
31/08/2025	**Tra lai tien gui TK**		**1.100,00**	**11.895.364,00**	
16/09/2025	TTHD Tien dien Ma KH-PC01FF0679489	2.631.846,00	0,00	9.523.563,00	999G251050SATAKX
30/09/2025	**Tra lai tien gui TK**		**780,00**	**7.953.214,00**	
31/10/2025	**Tra lai tien gui TK**		**460,00**	**4.763.210,00**	
31/11/2025	**Tra lai tien gui TK**		**450,00**	**4.600.842,00**	**221568**
31/12/2025	**Tra lai tien gui TK**		**460,00**	**4.621.012,00**	

Hình 14: Sổ phụ ngân hàng Agribank

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kế toán vào phần mềm hạch toán, chọn Tiền gửi -> chọn Thu tiền-> nhấn thêm và nhập dữ liệu.

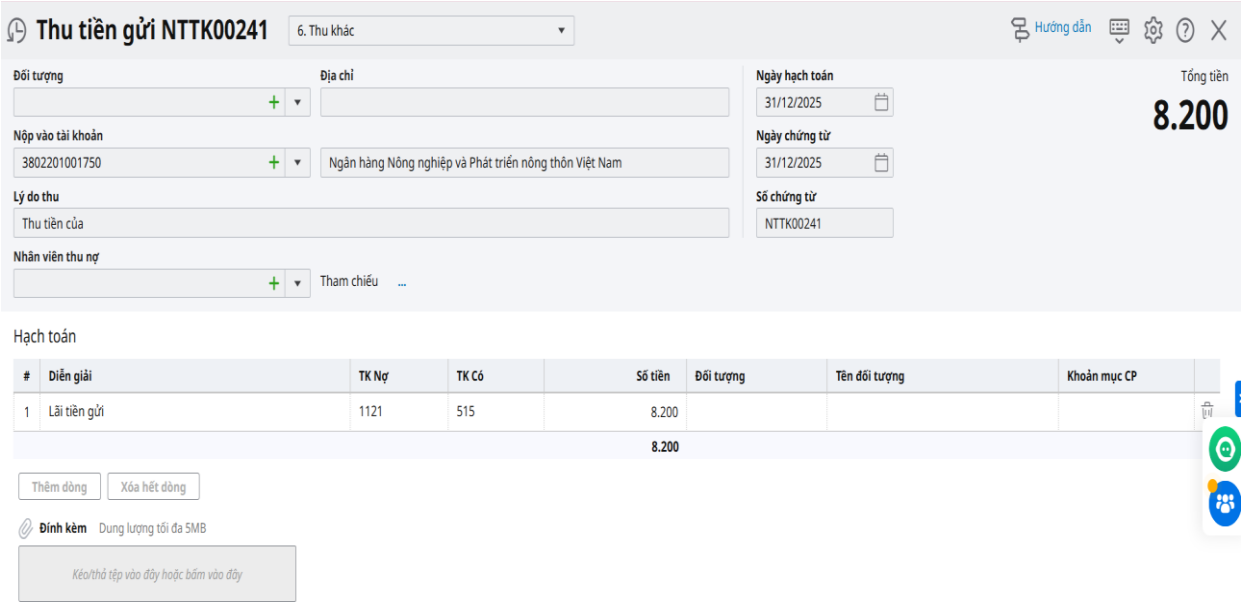

Hình 15: Giao diện phiếu thu tiền gửi

STT/No	Ngày hạch toán/Accounting dat	giao dịch/ Transaction descr	Nợ/ Debit	Có / Credit	Số dư TK/ Account Balance	Số giao dịch/ Transaction number
45	31-01-2025 01:23:55	Tra lai tai khoan DDA	0,00	7.571,00	10.055.360,00	
86	28-02-2025 02:02:30	Tra lai tai khoan DDA	0,00	5.840,00	1.597.253,00	
123	31-03-2025 01:50:18	Tra lai tai khoan DDA	0,00	6.077,00	92.123.009,00	
160	30-04-2025 01:55:15	Tra lai tai khoan DDA	0,00	3.045,00	126.465.390,00	10065
197	31-05-2025 02:08:27	Tra lai tai khoan DDA	0,00	844,00	4.046.651,00	10157
238	30-06-2025 02:13:00	Tra lai tai khoan DDA	0,00	2.230,00	22.882.557,00	10236
272	31-07-2025 01:52:19	Tra lai tai khoan DDA	0,00	2.377,00	1.812.054,00	10328
301	31-08-2025 01:47:40	Tra lai tai khoan DDA	0,00	3.041,00	878.642,00	10429
343	30-09-2025 01:48:15	Tra lai tai khoan DDA	0,00	2.262,00	2.076.513,00	10508
381	31-10-2025 01:52:20	Tra lai tai khoan DDA	0,00	2.890,00	45.704.228,00	10585
411	30-11-2025 02:05:16	Tra lai tai khoan DDA	0,00	9.632,00	5.153.785,00	10649
454	31-12-2025 02:04:43	Tra lai tai khoan DDA	0,00	7.461,00	245.727.660,00	10735

Hình 16: Sổ phụ ngân hàng Viettinbank

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kế toán vào phần mềm hạch toán, chọn Tiền gửi -> chọn Thu tiền-> nhấn thêm và nhập dữ liệu.

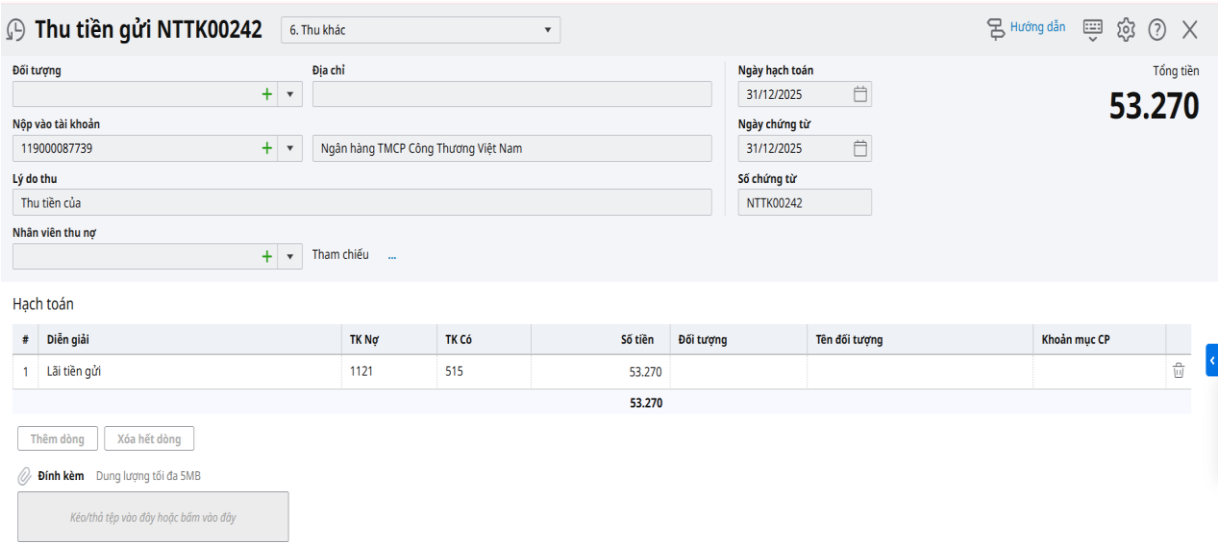

Hình 17: Giao diện phiếu thu tiền gửi

Sau khi hoàn thành nhập dữ liệu đã nhập, nhấn Lưu hệ thống phần mềm sẽ tự động cập nhập lên sổ Nhật ký chung, sổ Cái 515.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025 (trích)

Ngày hạch	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	PT00008	Xăng RON 92-II	1111	5111	90,909	
01/01/2025	01/01/2025	PT00008	Xăng RON 92-II	5111	1111		90,909
01/01/2025	01/01/2025	PT00008	Thuế GTGT - Xăng RON 92-II	1111	33311	9,091	
01/01/2025	01/01/2025	PT00008	Thuế GTGT - Xăng RON 92-II	33311	1111		9,091
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	**31/12/2025**	**NTTK00241**	**Lãi tiền gửi**	**1121**	**515**	**8,200**	
31/12/2025	**31/12/2025**	**NTTK00241**	**Lãi tiền gửi**	**515**	**1121**		**8,200**
31/12/2025	**31/12/2025**	**NTTK00242**	**Lãi tiền gửi**	**1121**	**515**	**53,270**	
31/12/2025	**31/12/2025**	**NTTK00242**	**Lãi tiền gửi**	**515**	**1121**		**53,270**
31/12/2025	31/12/2025	XK83626	Dầu DO 0,05S-II	632	156	26.691.711	
31/12/2025	31/12/2025	XK83626	Dầu DO 0,05S-II	156	632		26.691.711
31/12/2025	31/12/2025	XK83638	Xăng RON 92-II	6422	156	5.420.115	
31/12/2025	31/12/2025	XK83638	Xăng RON 92-II	156	6422		5.420.115
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**95.236.432.783**	**95.236.432.783**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 18: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025 (trích)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	**NTTK00241**	**31/12/2025**	**Thu tiền của**			**1121**		**8.200**
31/12/2025	**NTTK00242**	**31/12/2025**	**Thu tiền của**			**1121**		**53.270**
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	61.470	
			- Cộng số phát sinh				**61.470**	**61.470**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**61.470**	**61.470**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 19: Sổ cái 515

2.7.1.3. Kế toán thu nhập khác

a. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 711 "Thu nhập khác" để phản ánh các khoản chiết khấu doanh số, chiết khấu độc quyền.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chưng từ khác có liên quan

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711

d. Kế toán thu nhập khác của Công ty

Ngày 11/02/2025, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn được hưởng khoản chiết khấu doanh số năm 2024 (4%) với số tiền là 7.448.808 VNĐ.

CHI NHÁNH CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Mã số thuế: 1 1 0 0 5 8 9 3 7 3 - 0 0 3
Thôn Phong Nam, Quốc lộ 1A, X. Hòa Châu, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 02363685665 Fax: 02363685669
Số TK: 11105979 tại NH Á Châu CN Đà Nẵng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Mẫu số - Ký hiệu: 1C25TAC
Số: 00001309
Ngày 11 tháng 02 năm 2025

Họ tên người mua hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Mã số thuế: 3 1 0 0 2 7 5 9 9 8
Địa chỉ : Thôn Hoàng Viễn, X. Sơn Thủy, H. Lệ Thuỷ, T. Quảng Bình, VN
Địa chỉ Giao Hàng : Thôn Phong Nam, Quốc lộ 1A, X. Hòa Châu, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán : TM/CK Ngày : 1 ngày
Mã khách hàng : E289CM Tiếp thị : Dương Thị Hồng Nhung

Mã của Cơ quan thuế: 00C1D2F96F3DA84B2EB75693B7D9153C40

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	MYKOLOR TOUCH ALKALI SEAL FOR INT 4,375L	THÙNG	5	1.837.108	9.185.540
2	MYKOLOR TOUCH DELUXE PRIMER FOR EXTERIOR 4.375L	THÙNG	2	2.834.552	5.669.104
	GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024	ĐỒNG			8.083.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm lẻ tám đồng chẵn./.

Cộng tiền hàng: 6.771.644
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 677.164
Tổng cộng tiền thanh toán: 7.448.808

Người mua hàng
Biển số xe: E289CM

Người bán hàng
Đã được ký điện tử bởi
CHI NHÁNH CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Ngày ký: 11/02/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại http://4oranges.ehoadon.vn. Mã tra cứu HĐĐT này: SFJ5YVO9HN7

Hình 20: Hóa đơn GTGT số 00001309

Căn cứ vào HĐ 00001309, ký hiệu 1C25TAC, ngày 11/02/2025, kế toán vào phần mềm MISA ASP-> chọn tổng hợp -> chứng từ nghiệp vụ khác -> nhập dữ liệu.

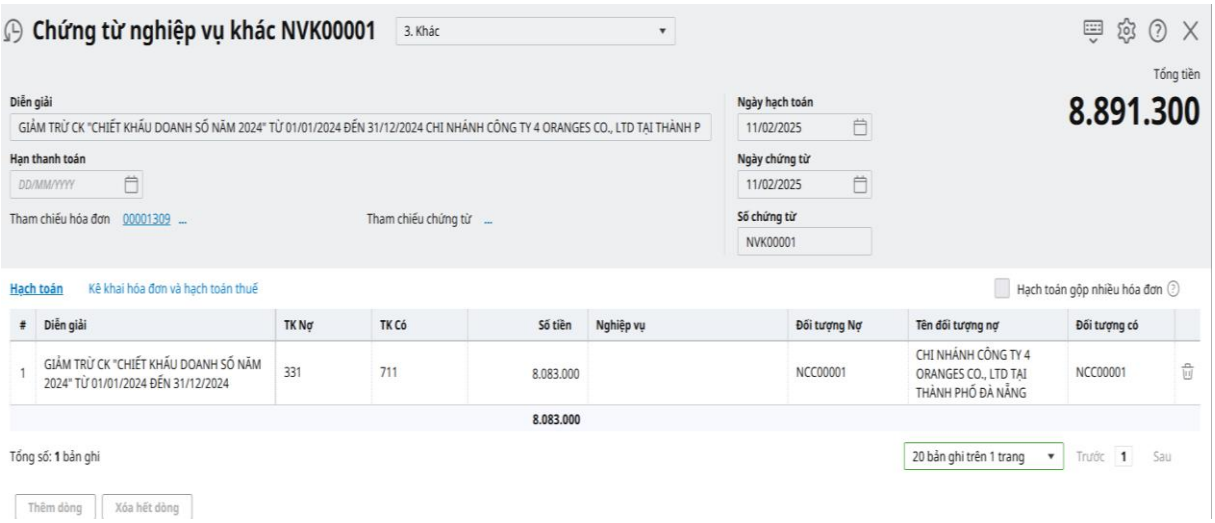

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00001 — 3. Khác

Tổng tiền 8.891.300

Diễn giải: GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024 CHI NHÁNH CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD TẠI THÀNH P
Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY
Tham chiếu hóa đơn: 00001309 ... Tham chiếu chứng từ: ...
Ngày hạch toán: 11/02/2025
Ngày chứng từ: 11/02/2025
Số chứng từ: NVK00001

Hạch toán | Kê khai hóa đơn và hạch toán thuế | Hạch toán gộp nhiều hóa đơn

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có
1	GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024	331	711	8.083.000		NCC00001	CHI NHÁNH CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	NCC00001
				8.083.000				

Tổng số: 1 bản ghi — 20 bản ghi trên 1 trang — Trước 1 Sau

Thêm dòng | Xóa hết dòng

Hình 21: Giao diện hạch toán chứng từ số 00001309

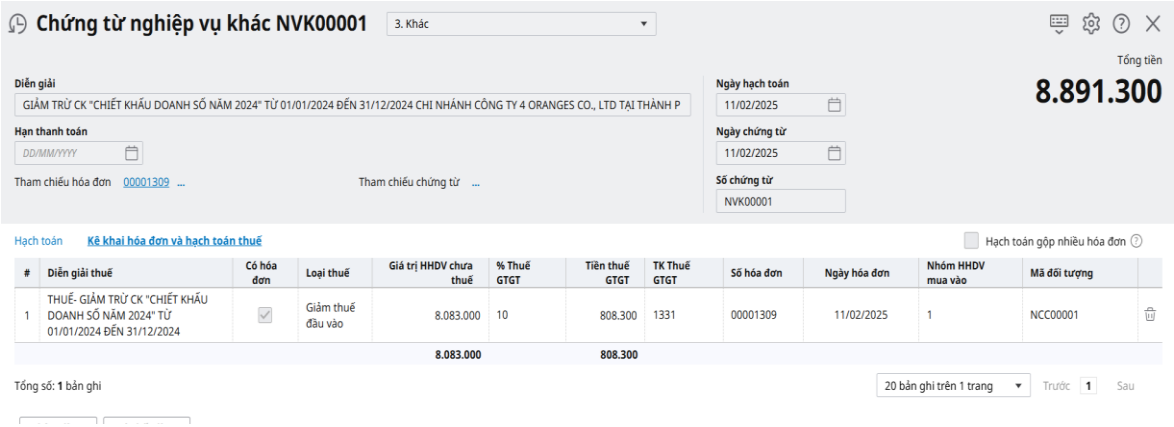

Hình 22: Giao diện hạch toán chứng từ số 00001309

Sau khi hoàn thành nhập dữ liệu đã nhập, nhấn Lưu hệ thống phần mềm sẽ tự động cập nhập lên sổ Nhật ký chung, sổ Cái 711.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
11/02/2025	**11/02/2025**	**NVK00001**	**GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024**	**331**	**711**	**8.083.000**	
11/02/2025	**11/02/2025**	**NVK00001**	**GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024**	**711**	**331**		**8.083.000**
11/02/2025	**11/02/2025**	**NVK00001**	**THUẾ- GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024**	**331**	**1331**	**808.300**	
12/01/1900	**11/02/2025**	**NVK00001**	**THUẾ- GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024**	**1331**	**331**		**808.300**
11/02/2025	11/02/2025	NVK00002	GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU ĐỘC QUYỀN NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024	331	711	14.370.000	
11/02/2025	11/02/2025	NVK00002	GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU ĐỘC QUYỀN NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024	711	331		14.370.000
11/02/2025	11/02/2025	NVK00002	Thuế GTGT - GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU ĐỘC QUYỀN NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024	331	1331	1.437.000	
11/02/2025	11/02/2025	NVK00002	Thuế GTGT - GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU ĐỘC QUYỀN NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024	1331	331		1.437.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**95.236.432.783**	**95.236.432.783**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 23: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025 (trích)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác *Đơn vị tính:*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
11/02/2025	**NVK00001**	**11/02/2025**	**GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU DOANH SỐ NĂM 2024" TỪ 01/01/2024 ĐẾN 31/12/2024 CHI NHÁNH CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG theo hóa đơn số 00001309**			**331**		**8.083.000**
11/02/2025	NVK00002	11/02/2025	GIẢM TRỪ CK CHIẾT KHẤU ĐỘC QUYỀN NĂM 2024 CHI NHÁNH CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG theo hóa đơn số 00001308			331		14.370.000
17/03/2025	NVK00003	17/03/2025	Hạch toán hóa đơn mua vào của CHI NHÁNH CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG theo hóa đơn số 00003031-GIẢM TRỪ CK "CHIẾT KHẤU SẢN PHẨM CAO CẤP NĂM 2024"			331		5.002.000
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	27.455.000	
			- Cộng số phát sinh				**27.455.000**	**27.455.000**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**27.455.000**	**27.455.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 24: Sổ cái 711

2.7.2. Kế toán chi phí

2.7.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Tài khoản sử dụng

Công ty dùng TK 632 "Giá vốn hàng bán" để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa mà công ty xuất bán (Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ đồ ngũ kim, sơn...) và dịch vụ mà công ty cung cấp (Vận chuyển và cho thuê xe). Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian tiếp cận thực tế, em chưa có điều kiện nghiên cứu sâu về phương pháp xác định giá vốn đối với các dịch vụ vận chuyển và cho thuê xe của công ty.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ có liên quan khác

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 632

d. Phương pháp xác định giá vốn

Giá vốn hàng bán của sản phẩm, hàng hóa mà doanh nghiệp xuất bán được xác định theo phương pháp bình quân thời điểm.

e. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00009845, ký hiệu 1C25MST theo lần lượt ngày 30/12/2025, đã trình bày ở phần kế toán doanh thu bán hàng, kế toán lập chứng từ bán hàng phiếu xuất kho trên phần mềm để ghi nhận giá vốn hàng bán.

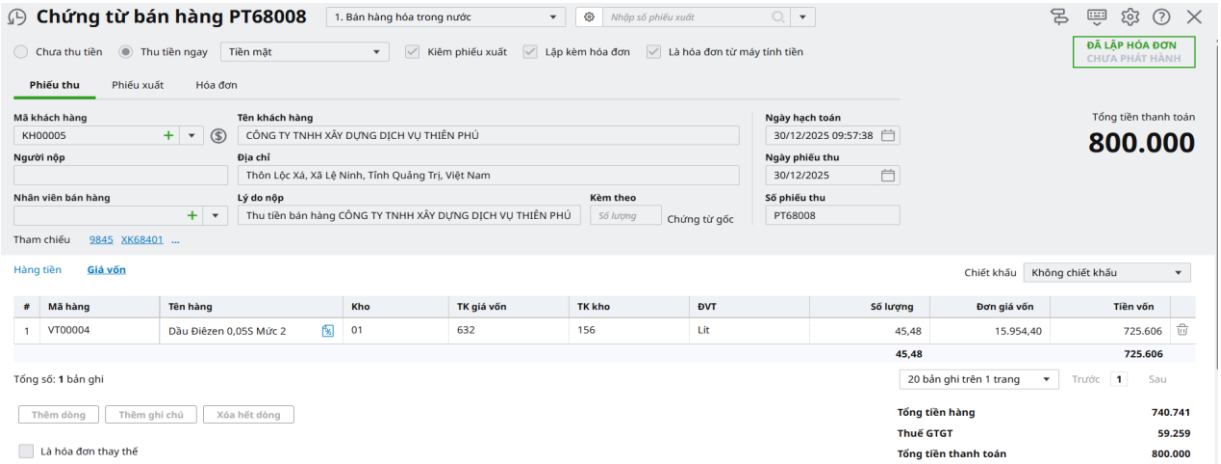

Hình 25: Chứng từ bán hàng số hóa đơn 00009845 có giá vốn trên phần mềm

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 30 tháng 12 năm 2025
Số: XK68401

Nợ: 632
Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ
- Địa chỉ (bộ phận): Thôn Lộc Xá, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ theo hóa đơn số 9845
- Xuất tại kho (ngăn lô): HÀNG HÓA Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	VT00004	Lít	45,48	45,48	15.954,40	725.606
	Cộng						725.606

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ***Bảy trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm linh sáu đồng.***
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 26: Phiếu xuất kho cho hóa đơn số 00009845

Để tính đơn giá bình quân của mặt hàng Dầu DO 0.05S-II dựa vào phụ lục Sổ chi tiết vật tư hàng hóa Dầu DO 0.05S-II (Phụ lục số 1)

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho sau mỗi lần nhập n} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$$

$$= \frac{94.096.187 + 71.072.685}{5.802,55 + 4.550}$$

$$= 15.954,4$$

Sau khi nhập dữ liệu, xuất hóa đơn thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 632.

Trích Sổ Nhật ký chung (35)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025 (trích)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
01/01/2025	XK00010	01/01/2025	Xuất kho bán hàng Người mua không lấy hóa đơn theo hóa đơn số 00000001			156	92.407	
01/01/2025	XK00012	01/01/2025	Xuất kho bán hàng Người mua không lấy hóa đơn theo hóa đơn số 00000010			156	1.316.527	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12/2025	**XK68401**	**30/12/2025**	**Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ theo hóa đơn số 00009845**			**156**	**725.606**	
30/12/2025	XK68549	30/12/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG ĐỨC THẮNG theo hóa đơn số 00009940			156	1.142.814	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	XK68345	31/12/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 VIỆT PHONG theo hóa đơn số 00010106			156	1.116.808	
31/12/2025	XK68551	31/12/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG ĐỨC THẮNG theo hóa đơn số 00010234			156	1.179.030	
			- Cộng số phát sinh				**8.438.488.236**	**8.438.488.236**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**8.438.488.236**	**8.438.488.236**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 27: Sổ Cái TK 632

2.7.2.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Tài khoản sử dụng

Công ty dùng TK 635 "Chi phí tài chính" để phản ánh chi phí hoạt động tài chính của công ty.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 635

d. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty

Ngày 4/12/2025, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn trả lãi vay ngắn hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với số tiền là 1.216.408 VNĐ.

04-12-2025 08:40:43	CT DEN:470T25C051PTV3PZ Dinh Thi Thuy Ngoc nop tien vao tk cty	0,00	18.000.000,00	111.378.628,00
04-12-2025 08:52:57	**Tra no khoan vay 804007176085, Goc: 80,080,000 VND, Lai: 1,216,408 VND**	**81.296.408,00**	**0,00**	**30.082.220,00**
04-12-2025 10:35:04	cty tan son tt cty dau khi vung ang	11.000,00	0,00	30.071.220,00
04-12-2025 23:09:06	VAT	5.000,00	0,00	30.016.220,00

Hình 28: Sổ phụ ngân hàng

Căn cứ vào Sổ phụ ngân hàng ngày 04/12/2025, kế toán vào phần mềm MISA ASP-> chọn tiền gửi -> chọn chi tiền -> nhập dữ liệu.

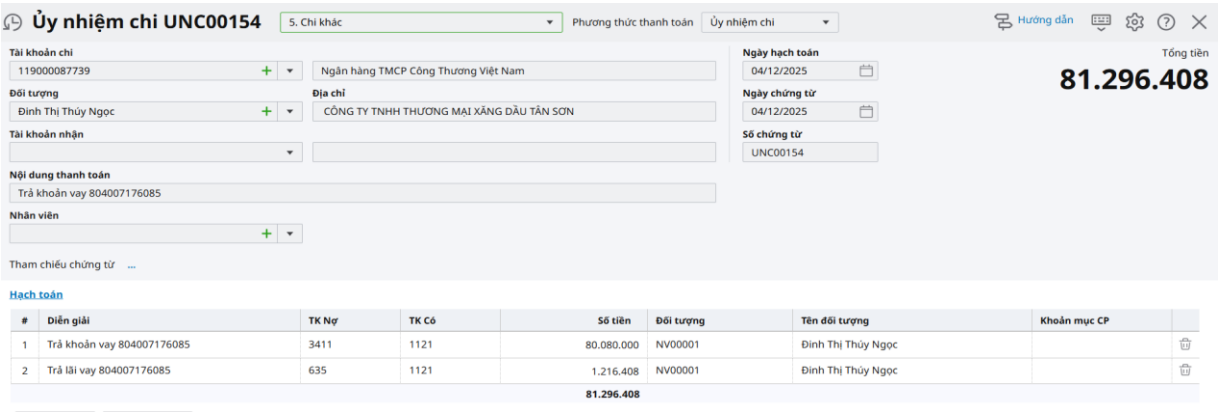

Hình 29: Giao diện hạch toán Ủy nhiệm chi trên phần mềm

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 635.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
04/12/2025	04/12/2025	PT68182	Thuế GTGT - Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	33311	1111		325.926
04/12/2025	**04/12/2025**	**UNC00154**	**Trả khoản vay 804007176085**	**3411**	**1121**	**80.080.000**	
04/12/2025	**04/12/2025**	**UNC00154**	**Trả khoản vay 804007176085**	**1121**	**3411**		**80.080.000**
04/12/2025	**04/12/2025**	**UNC00154**	**Trả lãi vay 804007176085**	**635**	**1121**	**1.216.408**	
04/12/2025	**04/12/2025**	**UNC00154**	**Trả lãi vay 804007176085**	**1121**	**635**		**1.216.408**
04/12/2025	04/12/2025	XK62207	Xăng RON95 Mức 3	632	156	44.158	
04/12/2025	04/12/2025	XK62207	Xăng RON95 Mức 3	156	632		44.158
04/12/2025	04/12/2025	XK62208	Xăng E5 RON92 Mức 2	632	156	41.193	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**95.236.432.783**	**95.236.432.783**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Thủ kho	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 30: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025 (trích)

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
.....	.....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
04/12/2025	**UNC00154**	**45995,00**	**Trả khoản vay 804007176085**			**1121**	**1.216.408**	
05/12/2025	UNC00155	05/12/2025	Trả lãi vay			1121	7.525.972	
05/12/2025	UNC00156	05/12/2025	Trả lãi vay			1121	8.835.776	
.....	.....	....	.....	.....	....	.....	.....	.....
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		333.065.508
			- Cộng số phát sinh				**333.065.508**	**333.065.508**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**333.065.508**	**333.065.508**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 31: Sổ cái TK 635

2.7.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân sơn TK 642 gồm 2 tài khoản cấp 2 là:

- Tài khoản 6421 - "Chi phí bán hàng" phản ánh chi phí điện lực, khấu hao tài sản cố định, tiền lương nhân viên (lái xe, bán hàng)

- Tài khoản 6422 - " Chi phí quản lý doanh nghiệp" phản ánh chi phí cước viễn thông; Phí thuế môn bài; Phí bảo hiểm vật chất ô tô; Phí mua phần mềm; Phí kiểm định lại xe, Tiền lương nhân viên (kế toán) ; BHXN, BHYT, BHTN.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Sổ phụ ngân hàng
- Khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ có liên quan khác

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết TK 6421
- Sổ chi tiết TK 6422

d. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty

- **Đối với chi phí bán hàng:**
- **Chi phí điện lực**

Ngày 02/12/2024, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu tân sơn chi trả tiền điện cho Công ty điện lực Quảng Trị - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Trung với số tiền là 3.136.657 VNĐ

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 02 tháng 12 năm 2025

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TAB
Số: 3778917

Tên người bán: **CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG TRỊ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG**
Mã số thuế: **0400101394-002**
Địa chỉ:
Điện thoại:

Họ tên người mua:
Tên người mua: **Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn**
Mã số thuế: **3100275998**
Địa chỉ:
Hình thức thanh toán: Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
421	Hàng hóa, dịch vụ	Khác	kWh	973			8%	2.904.312

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế

Tổng tiền chưa thuế	2.904.312
Tổng tiền thuế	232.345
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	3.136.657
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 32: Hóa đơn GTGT số 3778917

Căn cứ vào Hóa đơn số 3778917, ký hiệu K25TAB, ngày 02/12/2024, kế toán vào phần mềm MISA ASP chọn Quản lý hóa đơn -> Chọn hóa đơn đầu ra -> Chọn hóa đơn và lập chứng từ bán dịch vụ -> Nhập dữ liệu.

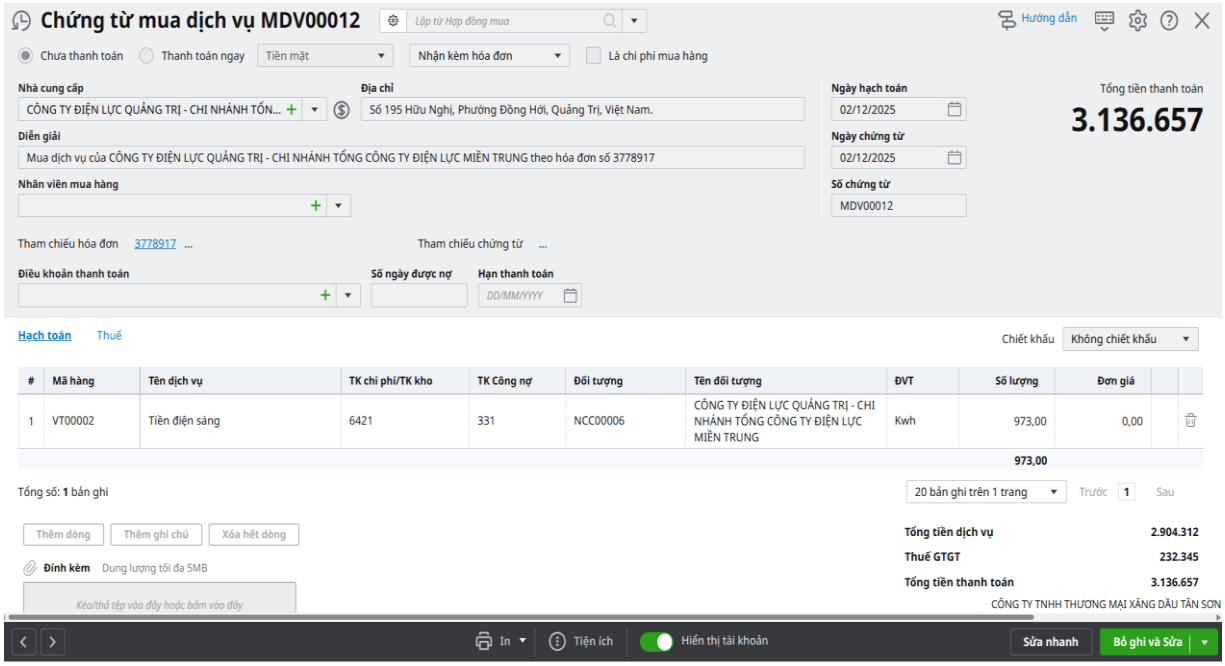

Hình 33: Giao diện hạch toán mua dịch hóa đơn số 3778917

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ Chi tiết TK 6421

❖ Tiền lương nhân viên (lái xe, bán hàng)

Tháng 11/2025 Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn trả lương nhân viên với tổng số tiền là 54.338.463 VND. Trong đó, Chi phí tiền lương (Bộ phận bán hàng, vận tải) tổng số tiền là 47.769.232 VND

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TM XD TÂN SƠN
Địa chỉ: Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
MST: 3100275998

BẢNG LƯƠNG
Tháng 11 năm 2025

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương CB	Lương Tham Gia BH	Số ngày công	Lương tháng	Phụ cấp			Tổng thu nhập tháng	Trích BHXH, BHYT, BHTN				Các khoản giảm trừ vào lương				Thực Lãnh
							Tiền cơm	Điện thoại	Cộng		BXHX (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Tổng cộng	BXHX (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	TC	
01	Lê Thị Trúc	Giám Đốc				-				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
02	Trương Thị Như Trang	Kế Toán	6.000.000	4.200.000	25	5.769.231		800.000	800.000	6.569.231	735.000	126.000	42.000	903.000	336.000	63.000	42.000	441.000	6.128.231
03	Trương Thế Tài	Lái Xe	3.900.000	3.900.000	25	3.750.000			-	3.750.000	682.500	117.000	39.000	838.500	312.000	58.500	39.000	409.500	3.340.500
04	Đinh Thị Thúy Ngọc	Bán hàng	5.000.000	3.900.000	27	5.192.308			-	5.192.308	682.500	117.000	39.000	838.500	312.000	58.500	39.000	409.500	4.782.808
05	Nguyễn Thị Minh Thảo	Bán hàng	5.000.000	3.900.000	27	5.192.308	700.000		2.200.000	7.392.308	682.500	117.000	39.000	838.500	312.000	58.500	39.000	409.500	6.982.808
06	Phạm Duy Thuần	Lái Xe	6.000.000	3.900.000	25	5.769.231	700.000	1.000.000	1.700.000	7.469.231	682.500	117.000	39.000	838.500	312.000	58.500	39.000	409.500	7.059.731
07	Võ Văn Giới	Lái Xe	7.000.000		25	6.730.769	700.000	1.000.000	1.700.000	8.430.769	-	-	-	-	-	-	-	-	8.430.769
08	Phan Thị Năm	Bán hàng	5.000.000		27	5.192.308	700.000		700.000	5.892.308	-	-	-	-	-	-	-	-	5.892.308
09	Lê Thị Luân	Bán hàng	5.000.000		27	5.192.308	700.000		700.000	5.892.308	-	-	-	-	-	-	-	-	5.892.308
10	Ngô Thị Thu Thủy	Bán hàng	3.900.000	3.900.000	25	3.750.000			-	3.750.000	682.500	117.000	39.000	838.500	312.000	58.500	39.000	409.500	3.340.500
Tổng cộng			**46.800.000**	**23.700.000**	**233**	**46.538.463**	**3.500.000**	**2.800.000**	**7.800.000**	**54.338.463**	**4.147.500**	**711.000**	**237.000**	**5.095.500**	**1.896.000**	**355.500**	**237.000**	**2.488.500**	**51.849.963**

Người lập

Trương Thị Như Trang

Giám đốc
Lê Thị Trúc

Hình 34: Bảng thanh toán lương tháng 11/2025

Căn cứ vào bảng lương tháng 11 mà kế toán lập , kế toán vào phần mềm MISA ASP chọn tiền mặt -> chọn chi tiền -> nhấn thêm và nhập dữ liệu.

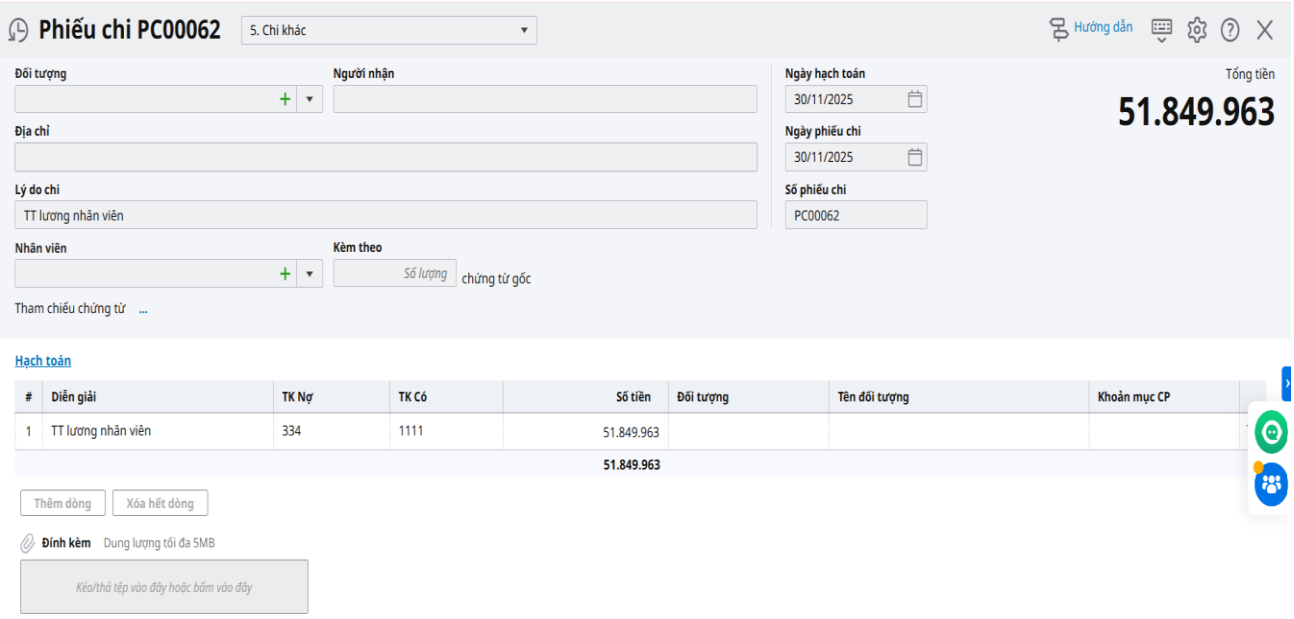

Hình 35: Giao diện hạch toán tổng tiền lương tháng 11/2025

Căn cứ vào bảng lương tháng 11 mà kế toán lập để hạch toán chi tiết, kế toán vào phần mềm MISA ASP chọn tổng hợp -> chọn chứng từ nghiệp vụ khác -> nhấn thêm và nhập dữ liệu

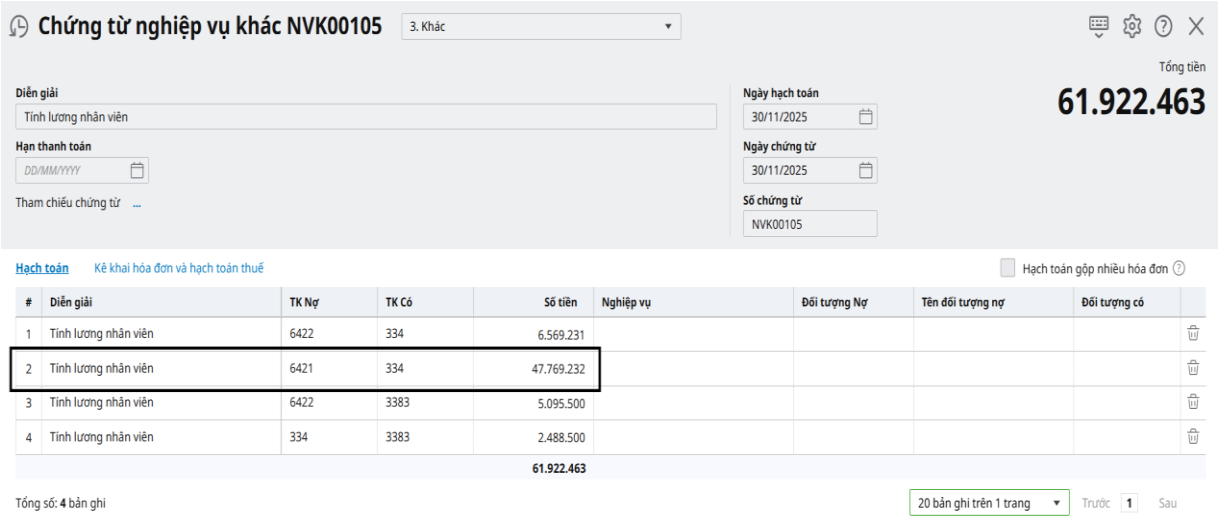

Hình 36: Giao diện hạch toán tiền lương (Bộ phận bán hàng, vận tải) 11/2025

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết TK 6421.

❖ Khấu hao tài sản cố định

Công ty thực hiện tính khấu hao tài sản cố định tháng 11/2025 trên phần mền misa. Vào mục tài sản cố định -> chọn tính khấu hao -> nhấn thêm và nhập tháng 11 năm 2025 để hệ thống tự động tính giá trị khấu hao.

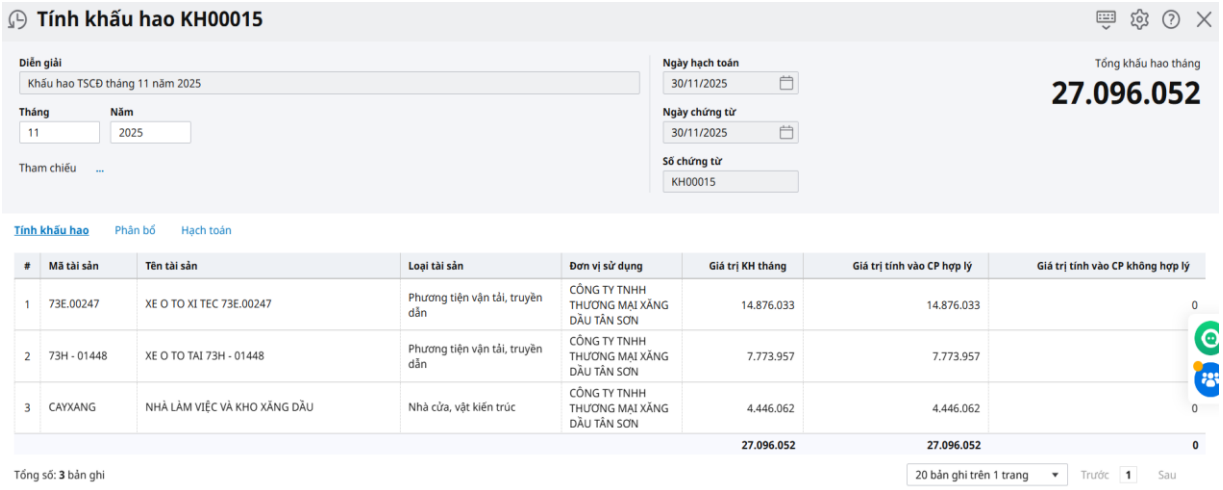

Tính khấu hao KH00015

Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025
Tháng: 11 Năm: 2025
Tham chiếu ...
Ngày hạch toán: 30/11/2025
Ngày chứng từ: 30/11/2025
Số chứng từ: KH00015
Tổng khấu hao tháng: 27.096.052

Tính khấu hao | Phân bổ | Hạch toán

#	Mã tài sản	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị KH tháng	Giá trị tính vào CP hợp lý	Giá trị tính vào CP không hợp lý
1	73E.00247	XE O TO XI TEC 73E.00247	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	14.876.033	14.876.033	0
2	73H - 01448	XE O TO TAI 73H - 01448	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	7.773.957	7.773.957	
3	CAYXANG	NHÀ LÀM VIỆC VÀ KHO XĂNG DẦU	Nhà cửa, vật kiến trúc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	4.446.062	4.446.062	0
					27.096.052	27.096.052	0

Tổng số: 3 bản ghi — 20 bản ghi trên 1 trang — Trước 1 Sau

Hình 37: Giao diện tính khấu hao tài sản cố định tháng 11/2025

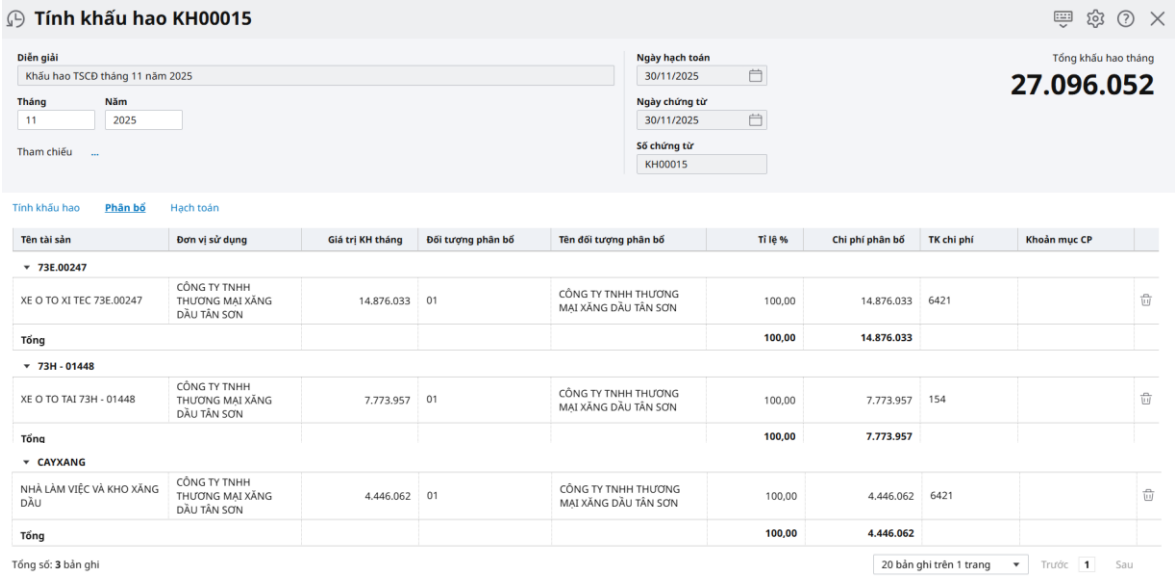

Tính khấu hao KH00015

Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025
Tháng: 11 Năm: 2025
Tham chiếu ...
Ngày hạch toán: 30/11/2025
Ngày chứng từ: 30/11/2025
Số chứng từ: KH00015
Tổng khấu hao tháng: 27.096.052

Tính khấu hao | Phân bổ | Hạch toán

Tên tài sản	Đơn vị sử dụng	Giá trị KH tháng	Đối tượng phân bổ	Tên đối tượng phân bổ	Tỉ lệ %	Chi phí phân bổ	TK chi phí	Khoản mục CP
73E.00247								
XE O TO XI TEC 73E.00247	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	14.876.033	01	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	100,00	14.876.033	6421	
Tổng					100,00	14.876.033		
73H - 01448								
XE O TO TAI 73H - 01448	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	7.773.957	01	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	100,00	7.773.957	154	
Tổng					100,00	7.773.957		
CAYXANG								
NHÀ LÀM VIỆC VÀ KHO XĂNG DẦU	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	4.446.062	01	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN	100,00	4.446.062	6421	
Tổng					100,00	4.446.062		

Tổng số: 3 bản ghi — 20 bản ghi trên 1 trang — Trước 1 Sau

Hình 38: Giao diện phân bổ tài sản cố định tháng 11/2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S09-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2025

Loại TSCĐ: 11 **Tên loại: Nhà cửa, vật kiến trúc**

STT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị tính KH	Tỷ lệ (%) khấu hao	Khấu hao	Khấu hao lũy kế	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng									Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	E	G	1	2	3	4	5	H	I	K
Mã TSCĐ: CAYXANG				**Tên TSCĐ: NHÀ LÀM VIỆC VÀ KHO XĂNG DẦU**									
11	KH00014	31/10/2025						0,28%	4.446.062	465.164.412			
12	**KH00015**	**30/11/2025**						**0,28%**	**4.446.062**	**469.610.474**			
13	KH00016	31/12/2025						0,28%	4.446.062	474.056.536			
Mã TSCĐ: 73E.00247				**Tên TSCĐ: XE O TO XI TEC 73E.00247**									
11	KH00014	31/10/2025						0,83%	14.876.033	1.063.678.586			
12	**KH00015**	**30/11/2025**						**0,83%**	**14.876.033**	**1.078.554.619**			
13	KH00016	31/12/2025						0,83%	14.876.033	1.093.430.652			
Mã TSCĐ: 73H - 01448				**Tên TSCĐ: XE O TO TAI 73H - 01448**									
11	KH00014	31/10/2025						0,92%	7.773.957	156.177.674			
12	**KH00015**	**30/11/2025**						**0,92%**	**7.773.957**	**163.951.631**			
13	KH00016	31/12/2025						0,92%	7.773.957	171.725.588			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 39: Sổ tài sản cố định

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ Chi tiết TK 6421

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

S19-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng, Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng								
02/01/2025	02/01/2025	MDV00001	Tiền điện sáng	331	2.201.714		2.201.714	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/11/2025	**30/11/2025**	**KH00015**	**Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025**	**2141**	**19.322.095**		**627.553.753**	
30/11/2025	**30/11/2025**	**NVK00105**	**Tính lương nhân viên**	**334**	**47.769.232**		**675.322.985**	
02/12/2025	**02/12/2025**	**MDV00012**	**Tiền điện sáng**	**331**	**2.904.312**		**678.227.297**	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		760.796.943		
			Cộng		**760.796.943**	**760.796.943**		
Tổng cộng					**760.796.943**	**760.796.943**		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Thủ kho	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 40: Sổ chi tiết TK 6421

Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Chi phí cước viễn thông**

Ngày 02/11/2025 Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân sơn đã chi trả cước viễn thông cho Viễn thông Quảng Trị - Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam với số tiền là 224.400 VND.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 02 tháng 11 năm 2025

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25THC
Số: 125750

Tên người bán: **VIỄN THÔNG QUẢNG TRỊ - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**
Mã số thuế: **3200092589**
Địa chỉ:
Điện thoại:

Họ tên người mua:
Tên người mua: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN**
Mã số thuế: **3100275998**
Địa chỉ:
Hình thức thanh toán: Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
149	Hàng hóa, dịch vụ	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 10 năm 2025	Tháng	1			10%	204.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế

Tổng tiền chưa thuế	204.000
Tổng tiền thuế	20.400
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	224.400
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 41: Hóa đơn GTGT số 125750

Căn cứ vào HĐ 125750, ký hiệu K25THC, ngày 02/11/2025, kế toán vào phần mềm MISA chọn Quản lý hóa đơn -> chọn hóa đơn mua vào -> chọn hóa đơn và lập phiếu chi tiền mặt -> nhập dữ liệu.

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ Chi tiết TK 6422

❖ **Thuế môn bài**

Ngày 03/01/2025 Công Ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn nộp lệ phí môn bài với số tiền là 3.000.000 VNĐ.

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: QBI162425
Số: 0000201

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt [ ] Chuyển khoản [X]
Loại tiền: VND [X] USD [ ] Khác:....
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Số tham chiếu: 11220250288023161

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN Mã số thuế: 3100275998
Địa chỉ: Thôn Hoàng Viễn, Xã Sơn Thủy
Quận/Huyện: Huyện Lệ Thủy Tỉnh, TP: Quảng Bình
Người nộp thay: Mã số thuế:
Địa chỉ:
Quận/Huyện: Tỉnh, TP:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trích TK số: 119000087739
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
Nộp vào cho NSNN [X] TK tạm thu [ ] TK thu hồi hoàn thuế GTGT [ ]
Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Lệ Thuỷ - Quảng Bình Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Bình
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước [ ] Thanh tra tài chính [ ]
Thanh tra Chính phủ [ ] Cơ quan có thẩm quyền khác [ ]
Tại cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế huyện Lệ Thuỷ Mã CQ thu: 1056127

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1	02	07/01/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 3 ;Ghi chú : Lệ phí môn bài		3.000.000	755	2864
			Tổng tiền		3.000.000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một triệu đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SON*
Ngày ký: 07/01/2025 14:43:33.
Ký điện tử bởi: *Tổng cục Thuế*
Ngày ký: 07/01/2025 14:43:01. Không thể kiểm tra tình trạng thu hồi của chứng thư số (ocsp.ca.btc).
Ký điện tử bởi: *NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM*
Ngày ký: 07/01/2025 14:43:58.

Hình 42: Giấy nộp tiền

STT/No.	Ngày hạch toán	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có / Credit	Số dư TK/ Account Balance
1	01-01-2025 17:15:55	CT DEN:470T25100PXCHMD7 Vietinbank;119000087739;LE CHI SAY chuyen tien	0,00	1.500.000,00	17.608.142,00
2	01-01-2025 17:30:27	CT DEN:470T25100QGK2NBF NGUYEN KIEU OANH CHUYEN TIEN 490L DAU THAM CT DONG HAI	0,00	9.310.000,00	26.918.142,00
6	**03-01-2025 07:39:49**	**CT DEN:470T25103BDSRE06 MBVCB.8104258469.851611.TRAN THI HOAI THUONG chuyen tien le phi mon bai tai VIETINBANK**	**0,00**	**3.000.000,00**	**127.151.142,00**
7	03-01-2025 11:23:13	CT DEN:470T25103L2TK1A8 tt dau thang 12	0,00	14.400.000,00	141.551.142,00

Hình 43: Sổ phụ ngân hàng nộp tiền lệ phí môn bài

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng nộp tiền lệ phí môn bài, ngày 03/01/2024, kế toán vào phần mềm MISA -> chọn tiền gửi -> chi tiền -> thêm và nhập dữ liệu.

Sau khi hoàn thành nhập dữ liệu đã nhập, nhấn Lưu hệ thống phần mềm sẽ tự động cập nhập lên sổ nhật ký chung, kết chuyển vào sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6422

❖ **Phí bảo hiểm vật chất**

Ngày 26/02/2025, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân sơn đã chi trả Phí bảo hiểm vật chất xe ô tô với số tiền là 12.500.950 VND.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 02 năm 2025

Mẫu số: 1
Ký hiệu: K25TAC
Số: 437

Tên người bán: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
Mã số thuế: **0101335193**
Địa chỉ: Tầng 10,11 tòa nhà 126 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội
Điện thoại:

Họ tên người mua: Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn
Tên người mua: **Công Ty TNHH Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn**
Mã số thuế: **3100275998**
Địa chỉ: Thôn Hoàng Viễn, Xã Sơn Thủy, Huyện Lệ Thuỷ, Tỉnh Quảng Bình
Hình thức thanh toán: TM/CK Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Phí Bảo hiểm vật chất xe ô tô 092.KDLT.HD.XE.25.015506					10%	11.364.500

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	11.364.500	1.136.450

Tổng tiền chưa thuế	11.364.500
Tổng tiền thuế	1.136.450
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	12.500.950
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Mười hai triệu năm trăm nghìn chín trăm năm mươi đồng

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Ký ngày: 2025-02-26T17:39:10

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 44: Hóa đơn GTGT số 437

Căn cứ vào HĐ 437, ký hiệu K25TAC, ngày 26/02/2025, kế toán vào phần mềm MISA chọn Quản lý hóa đơn -> chọn hóa đơn mua vào -> chọn hóa đơn và lập phiếu chi tiền mặt -> nhập dữ liệu.

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ Chi tiết TK 6422

❖ **Phí mua phần mềm**

Ngày 28/11/2025, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân sơn đã chi trả tiền mua phần mền với số tiền là 2.500.000 VND.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2025

MCCQT: 00B059911178874A8F841A0E9428473C42

Mẫu số: 1
Ký hiệu: C25TMS
Số: 459806

Tên người bán: **Công ty cổ phần MISA**
Mã số thuế: **0101243150**
Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Technosoft, Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 02437959595

Họ tên người mua:
Tên người mua: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN**
Mã số thuế: **3100275998**
Địa chỉ: Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị, Việt Nam
Hình thức thanh toán: TM/CK Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp MISA ASP Kế toán - Gói Enterprise năm đầu tiên	Năm	1	2.400.000		KCT	2.400.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
KCT	2.400.000	0

Tổng tiền chưa thuế	2.400.000
Tổng tiền thuế	0
Tổng tiền phí	0
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	2.400.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Hai triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)
Signature Valid
Ký bởi: CỤC THUẾ
Ký ngày: 2025-11-28T14:54:24

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)
Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MISA
Ký ngày: 2025-11-28T14:54:24

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 45: Hóa đơn GTGT số 459806

Căn cứ vào HĐ 459806, ký hiệu C25TMS, ngày 28/11/2025, kế toán vào phần mềm MISA chọn Quản lý hóa đơn -> chọn hóa đơn mua vào -> chọn hóa đơn và lập phiếu chi tiền mặt -> nhập dữ liệu.

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ Chi tiết TK 6422

❖ **Phí kiểm định lại xe**

Ngày 26/11/2025, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân sơn đã chi trả phí đăng kiểm lại xe với số tiền là 373.455 VND.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

MCCQT: 00F3CD01C329504723BC0F3A28DBFF109F

Mẫu số: 1
Ký hiệu: C25TQB
Số: 10599

Tên người bán: **TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 73-03D-CÔNG TY TNHH DV XE CƠ GIỚI SAO VÀNG - TRƯỜNG TCN BÌNH MINH QB**

Mã số thuế: **3101001894-001**

Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, Xã Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Điện thoại: 0232.3910911

Họ tên người mua:

Tên người mua: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN**

Mã số thuế: **3100275998**

Địa chỉ: Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Hình thức thanh toán: TM/CK Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Kiểm định lại xe ô tô trên 7T- 20T, BKS: 73E-00247	Chiếc	1	327.273		8%	327.273

STT	Tên loại phí	Tiền phí
1	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm	20.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	327.273	26.182

Tổng tiền chưa thuế	327.273
Tổng tiền thuế	26.182
Tổng tiền phí	20.000
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	373.455
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Ba trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: CỤC THUẾ
Ký ngày: 2025-11-26T08:46:33

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi: TT Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 73-03D- CT TNHH DV Xe Cơ Giới Sao Vàng - Trường TCN Bình Minh QB
Ký ngày: 2025-11-26T08:47:46

Hình 46: Hóa đơn GTGT số 10599

Căn cứ vào HĐ 10599, ký hiệu C25TQB, ngày 26/11/2025, kế toán vào phần mềm MISA chọn Quản lý hóa đơn -> chọn hóa đơn mua vào -> chọn hóa đơn và lập phiếu chi tiền mặt -> nhập dữ liệu.

Sau khi nhập dữ liệu thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ Chi tiết TK 6422

❖ **Tiền lương nhân viên (bộ phận kế toán) (trích trang 52,53)**

Tháng 11/2025, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn trả lương nhân viên với tổng số tiền là 54.338.463 VND. Trong đó, Chi phí nhân viên (Bộ phận kế

toán) tổng số tiền là 6.569.231 VND

Sau khi hoàn thành nhập dữ liệu đã nhập, nhấn Lưu hệ thống phần mềm sẽ tự động cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6422.

❖ **BHXN, BHYT, BHTN (Trích trang 52,53)**

Tháng 11/2024, Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn chi trả tiền bảo hiểm cho nhân viên với số tiền là 5.095.500 VNĐ (hình 34)

Sau khi hoàn thành nhập dữ liệu đã nhập, nhấn Lưu hệ thống phần mềm sẽ tự động cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6422.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

S19-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp								
01/01/2025	01/01/2025	PC00001	Chi tiền cho TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - QUẢNG BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG	1111	178.823		178.823	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/01/2025	**03/01/2025**	**NVK00091**	**Tính lệ phí môn bài**	**3339**	**3.000.000**		**3.382.823**	
26/02/2025	**26/02/2025**	**PC00022**	**Chi tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**	**1111**	**11.364.500**		**44.434.546**	
27/02/2025	27/02/2025	PC00047	Chi tiền cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIANH THUÝ theo hóa đơn 00000310	1111	59.091		50.012.152	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/11/2025	**02/11/2025**	**PC00033**	**Chi tiền cho VIỄN THÔNG QUẢNG TRỊ - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM theo hóa đơn 125750**	**1111**	**204.000**		**216.900.632**	
02/11/2025	02/11/2025	PC00034	Chi tiền cho VIỄN THÔNG QUẢNG TRỊ - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM theo hóa đơn 945	1111	190.358		217.090.990	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/11/2025	**26/11/2025**	**PC00043**	**Kiểm định lại xe ô tô trên 7T- 20T, BKS: 73E-00247**	**1111**	**327.273**		**222.818.263**	

26/11/2025	**26/11/2025**	**PC00043**	**Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm**	**1111**	**20.000**		**222.838.263**	
28/11/2025	**28/11/2025**	**PC00042**	**Phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp MISA ASP Kế toán - Gói Enterprise năm đầu tiên**	**1111**	**2.400.000**		**225.238.263**	
30/11/2025	**30/11/2025**	**NVK00105**	**Tính lương nhân viên**	**334**	**6.569.231**		**231.807.494**	
30/11/2025	**30/11/2025**	**NVK00105**	**Tính lương nhân viên**	**3383**	**5.095.500**		**236.902.994**	
.....	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**	**.....**
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		270.531.053		
			Cộng		**270.531.053**	**270.531.053**		
Tổng cộng					**270.531.053**	**270.531.053**		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Thủ kho**	**Thủ quỹ**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 47: Sổ chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025 (trích)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/01/2025	03/01/2025	NVK00091	Tính lệ phí môn bài	6422	3339	3.000.000	
03/01/2025	03/01/2025	NVK00091	Tính lệ phí môn bài	3339	6422		3.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/02/2025	26/02/2025	PC00022	Chi tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	6422	1111	11.364.500	
26/02/2025	26/02/2025	PC00022	Chi tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	1111	6422		11.364.500
26/02/2025	26/02/2025	PC00022	Chi tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM theo hóa đơn 00000437	1331	1111	1.136.450	
26/02/2025	26/02/2025	PC00022	Chi tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM theo hóa đơn 00000437	1111	1331		1.136.450
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/11/2025	26/11/2025	PC00043	Kiểm định lại xe ô tô trên 7T- 20T, BKS: 73E-00247	6422	1111	327.273	

26/11/2025	26/11/2025	PC00043	Kiểm định lại xe ô tô trên 7T- 20T, BKS: 73E-00247	1111	6422		327.273
26/11/2025	26/11/2025	PC00043	Thuế GTGT - Kiểm định lại xe ô tô trên 7T- 20T, BKS: 73E-00247	1331	1111	26.182	
26/11/2025	26/11/2025	PC00043	Thuế GTGT - Kiểm định lại xe ô tô trên 7T- 20T, BKS: 73E-00247	1111	1331		26.182
26/11/2025	26/11/2025	PC00043	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm	6422	1111	20.000	
26/11/2025	26/11/2025	PC00043	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm	1111	6422		20.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/11/2025	28/11/2025	PC00042	Phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp MISA ASP Kế toán - Gói Enterprise năm đầu tiên	6422	1111	2.400.000	
28/11/2025	28/11/2025	PC00042	Phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp MISA ASP Kế toán - Gói Enterprise năm đầu tiên	1111	6422		2.400.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/11/2025	30/11/2025	KH00015	Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025	6421	2141	19.322.095	
30/11/2025	30/11/2025	KH00015	Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025	2141	6421		19.322.095
30/11/2025	30/11/2025	KH00015	Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025	154	2141	7.773.957	
30/11/2025	30/11/2025	KH00015	Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025	2141	154		7.773.957
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	6422	334	6.569.231	
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	334	6422		6.569.231
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	6421	334	47.769.232	
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	334	6421		47.769.232
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	6422	3383	5.095.500	
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	3383	6422		5.095.500
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	334	3383	2.488.500	
30/11/2025	30/11/2025	NVK00105	Tính lương nhân viên	3383	334		2.488.500
30/11/2025	30/11/2025	PC00062	TT lương nhân viên	334	1111	51.849.963	
30/11/2025	30/11/2025	PC00062	TT lương nhân viên	1111	334		51.849.963
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/12/2025	02/12/2025	MDV00012	Tiền điện sáng	6421	331	2.904.312	
02/12/2025	02/12/2025	MDV00012	Tiền điện sáng	331	6421		2.904.312
02/12/2025	02/12/2025	MDV00012	Thuế GTGT - Tiền điện sáng	1331	331	232.345	
02/12/2025	02/12/2025	MDV00012	Thuế GTGT - Tiền điện sáng	331	1331		232.345
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**95.236.432.783**	**95.236.432.783**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Thủ kho**	**Thủ quỹ**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 48: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025 (trích)

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
01/01/2025	PC00001	01/01/2025	Chi tiền cho TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - QUẢNG BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG			1111	178.823	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/01/2025	**NVK00091**	**03/01/2025**	**Tính lệ phí môn bài**			**3339**	**3.000.000**	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/02/2025	**PC00022**	**26/02/2025**	**Chi tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**			**1111**	**11.364.500**	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/11/2025	**PC00033**	**02/11/2025**	**Chi tiền cho VIỄN THÔNG QUẢNG TRỊ - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM theo hóa đơn 125750**			**1111**	**204.000**	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/11/2025	**PC00043**	**26/11/2025**	**Chi tiền cho TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 73-03D-CÔNG TY TNHH DV XE CƠ GIỚI SAO VÀNG - TRƯỜNG TCN BÌNH MINH QB theo hóa đơn 00010599**			**1111**	**347.273**	
28/11/2025	**PC00042**	**28/11/2025**	**Chi tiền cho Công ty cổ phần MISA theo hóa đơn 00459806**			**1111**	**2.400.000**	
30/11/2025	**KH00015**	**30/11/2025**	**Khấu hao TSCĐ tháng 11 năm 2025**			**2141**	**19.322.095**	
30/11/2025	**NVK00105**	**30/11/2025**	**Tính lương nhân viên**			**334**	**54.338.463**	
30/11/2025	**NVK00105**	**30/11/2025**	**Tính lương nhân viên**			**3383**	**5.095.500**	
02/12/2025	**MDV00012**	**02/12/2025**	**Mua dịch vụ của CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG TRỊ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG theo hóa đơn số 3778917**			**331**	**2.904.312**	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		1.031.327.996
			- Cộng số phát sinh				**1.031.327.996**	**1.031.327.996**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**1.031.327.996**	**1.031.327.996**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 49: Sổ cái TK 642

2.7.2.4. Kế toán chi phí thuế TNDN

a. Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Khánh Tâm sử dụng TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" để phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu 03/TNDN)
- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 821
- Sổ chi tiết TK 821

d. Kế toán chi phí thuế TNDN của Công ty

Để lập tờ khai thuế, trước tiên kế toán vào phần mềm MISA ASP -> chọn tổng hợp -> chọn báo cáo tài chính và in Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bảng cân đối tài khoản để kiểm tra. Sau đó đăng nhập vào HTKK gõ mã số thuế của đơn vị.

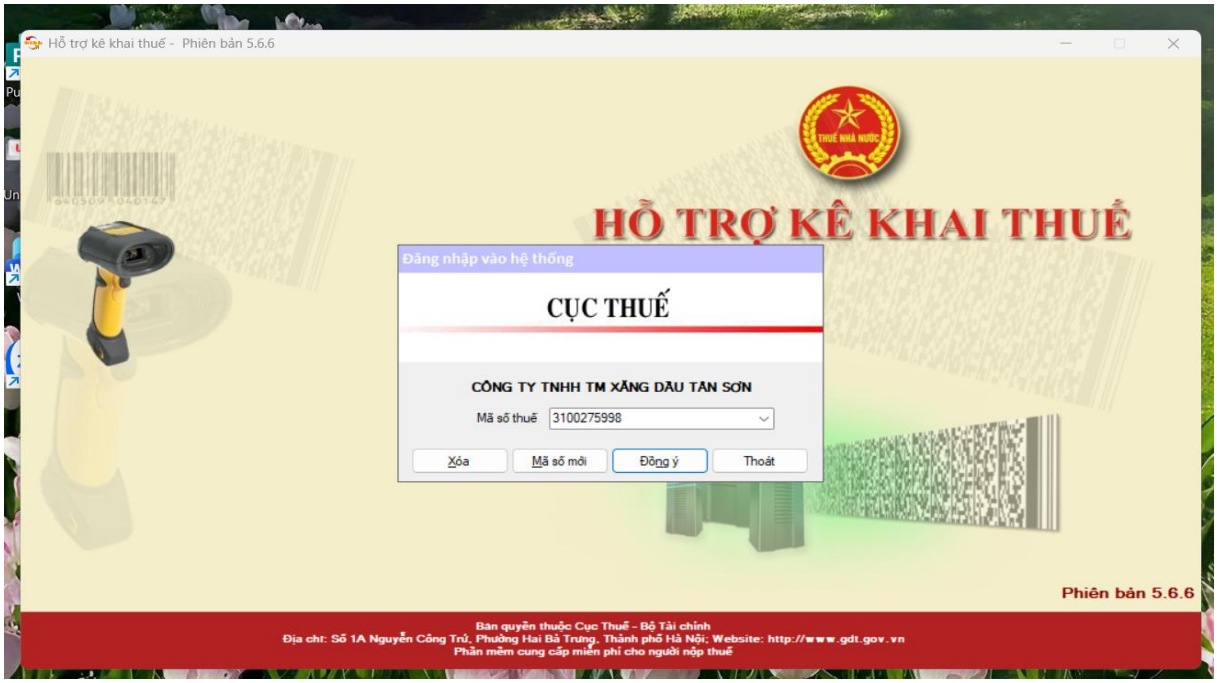

Hình 50: Giao diện đăng nhập phần mềm HTKK

Sau khi đăng nhập vào phần mềm HTKK -> chọn Thuế thu nhập doanh nghiệp -> chọn Tờ khai quyết toán thuế TNDN để kê khai.

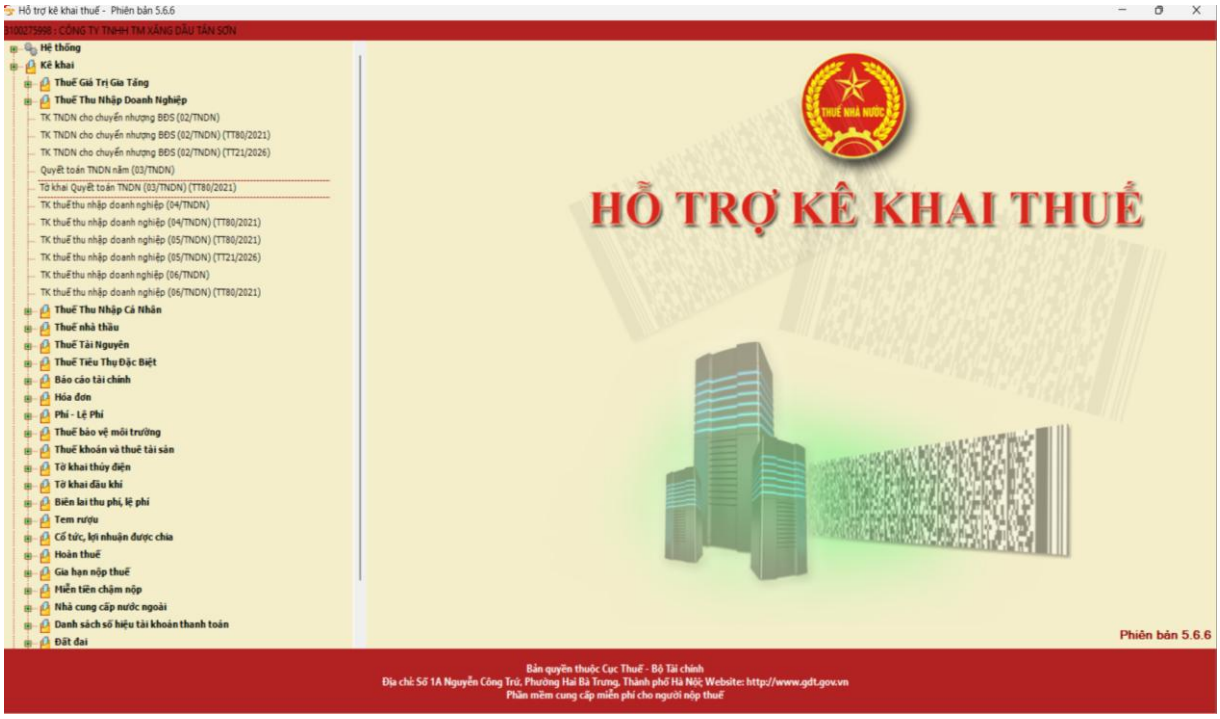

Hình 51: Giao diện phần mềm HTKK

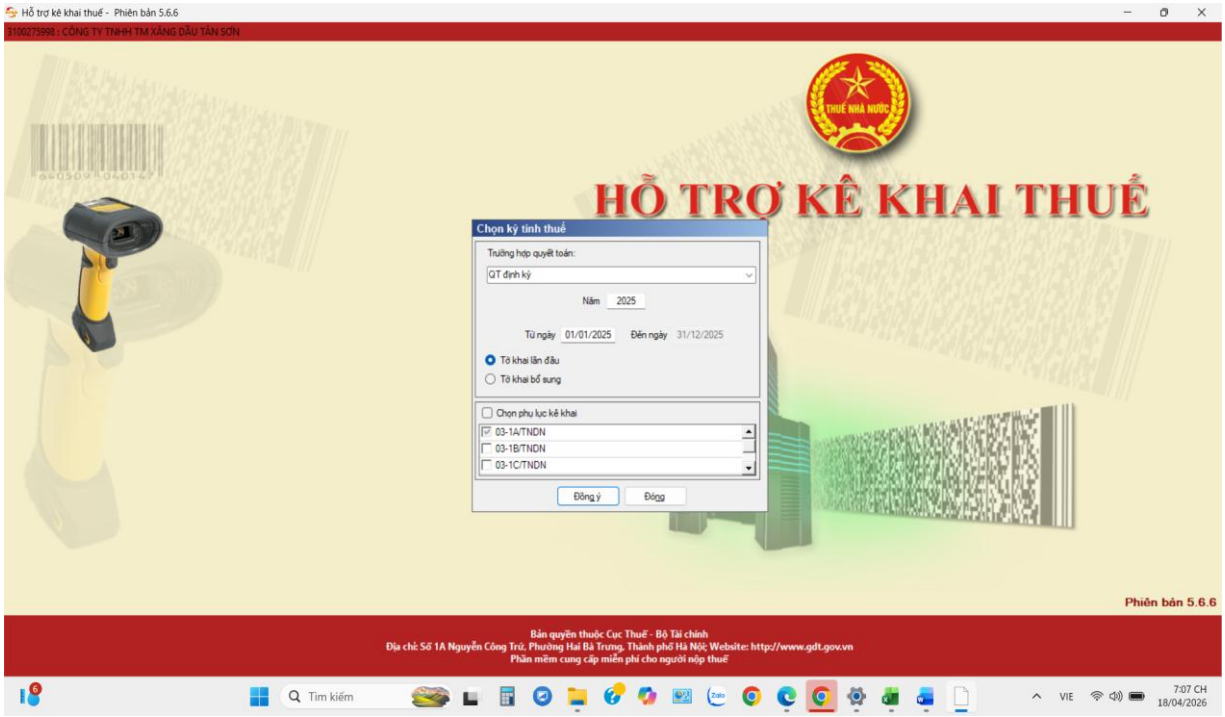

Hình 52: Giao diện chọn tờ khai để kê khai thuế trên HTKK

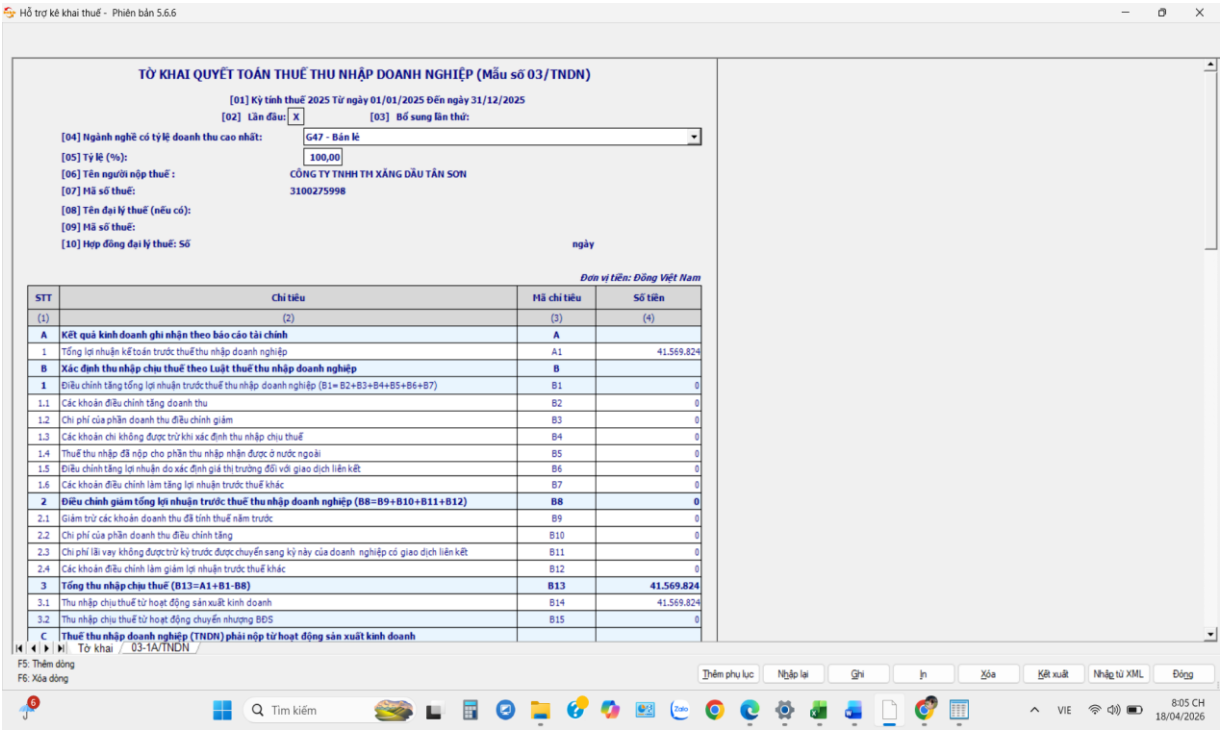

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.6.6

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ

[05] Tỷ lệ (%): 100,00

[06] Tên người nộp thuế : CÔNG TY TNHH TM XĂNG DẦU TÂN SƠN

[07] Mã số thuế: 3100275998

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	41.569.824
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	B13	41.569.824
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	41.569.824
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		

Tờ khai / 03-1A/TNDN

F5: Thêm dòng
F6: Xóa dòng

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Nhập từ XML | Đóng

Hình 53: Giao diện kê khai thuế TNDN

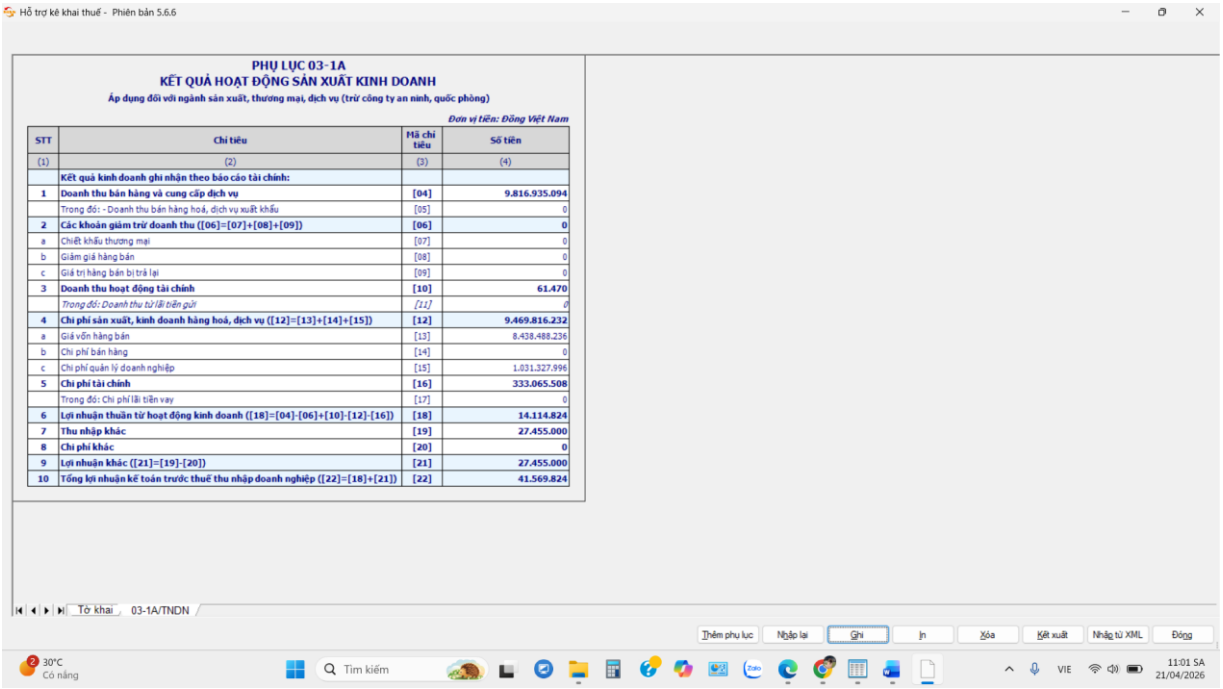

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.6.6

PHỤ LỤC 03-1A
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	[04]	9.816.935.094
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	[10]	61.470
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	*[11]*	*0*
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	[12]	9.469.816.232
a	Giá vốn hàng bán	[13]	8.438.488.236
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.031.327.996
5	**Chi phí tài chính**	[16]	333.065.508
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	[18]	14.114.824
7	**Thu nhập khác**	[19]	27.455.000
8	**Chi phí khác**	[20]	0
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	[21]	27.455.000
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	[22]	41.569.824

Tờ khai / 03-1A/TNDN

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Nhập từ XML | Đóng

Hình 54: Giao diện kê khai phụ lục 03-1A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ
[05] Tỷ lệ (%): 75,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM XĂNG DẦU TÂN SƠN
[07] Mã số thuế: 3100275998

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	41.569.824
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	**0**
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**41.569.824**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	41.569.824
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	41.569.824
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0

	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	*0*
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	*0*
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	41.569.824
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	41.569.824
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%*	*C7*	*0*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*41.569.824*
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	*17*
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9 =(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	7.066.870
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	*0*
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	*0*
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	*0*
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	7.066.870
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	**0**
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**7.066.870**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	7.066.870
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0

2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	7.066.870
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**7.066.870**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	7.066.870
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 22 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

LÊ THỊ TRÚC

Hình 55: Tờ khai thuế TNDN năm 2025

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN** (*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM XĂNG DẦU TÂN SƠN
[03] Mã số thuế: 3100275998

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	9.816.935.094
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	61.470
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	9.469.816.232
a	Giá vốn hàng bán	[13]	8.438.488.236
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.031.327.996
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	333.065.508
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	14.114.824
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	27.455.000
8	**Chi phí khác**	**[20]**	0
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	27.455.000
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	41.569.824

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 22 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

LÊ THỊ TRÚC

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN*
Ngày ký: 25/03/2026 10:06:09.

Hình 56: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào tờ khai Quyết toán thuế TNDN, kế toán vào phần mềm MISA ASP, chọn Tổng hợp -> chứng từ kế toán khác -> nhập dữ liệu.

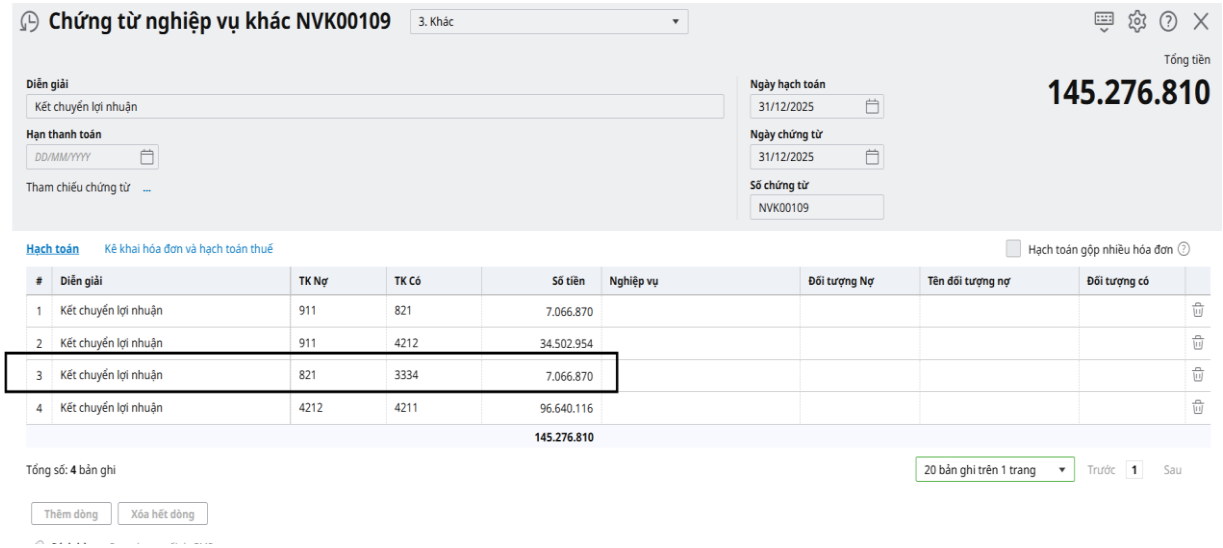

Hình 57: Giao diện hạch toán thuế TNDN trên phần mềm

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	911	821	7.066.870	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	821	911		7.066.870
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	911	4212	34.502.954	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	4212	911		34.502.954
31/12/2025	**31/12/2025**	**NVK00109**	**Kết chuyển lợi nhuận**	**821**	**3334**	**7.066.870**	
31/12/2025	**31/12/2025**	**NVK00109**	**Kết chuyển lợi nhuận**	**3334**	**821**		**7.066.870**
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	4212	4211	96.640.116	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	4211	4212		96.640.116
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	8.527.791.864	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	5111		8.527.791.864
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**95.236.432.785**	**95.236.432.785**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Thủ kho	Thủ quỹ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 58: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	**NVK00109**	**31/12/2025**	**Kết chuyển lợi nhuận**			**3334**	**7.066.870**	
31/12/2025	NVK00109	31/12/2025	Kết chuyển lợi nhuận			911		7.066.870
			- Cộng số phát sinh				**7.066.870**	**7.066.870**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**7.066.870**	**7.066.870**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 59: Sổ Cái TK 821

2.7.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

a. Tài khoản sử dụng

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5,6,7,8 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Tân Sơn

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911
- Sổ chi tiết TK 911

c. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Cuối kỳ căn cứ vào sổ phát sinh của các tài khoản doanh thu, giá vốn và các chi phí liên quan khác đã phát sinh, kế toán vào phần mềm MISA ASP -> chọn Tổng hợp -> chọn Kết chuyển lãi lỗ -> thực hiện kết chuyển sẽ tự động kết chuyển hoạt động kinh doanh trong kỳ.

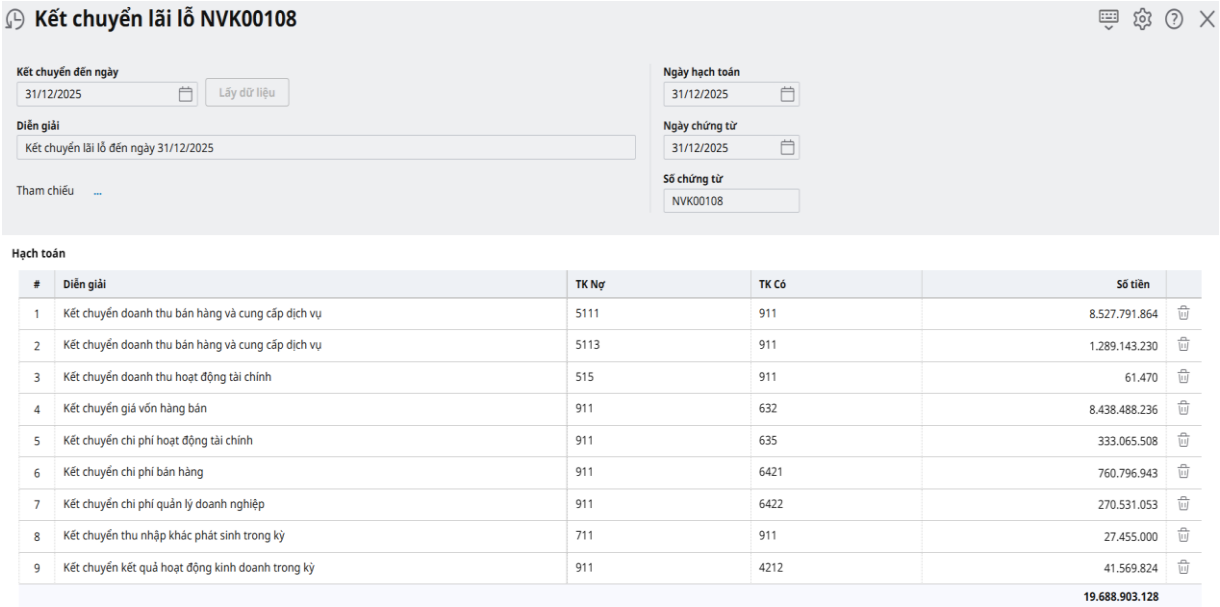

Kết chuyển lãi lỗ NVK00108

Kết chuyển đến ngày: 31/12/2025 | Lấy dữ liệu

Ngày hạch toán: 31/12/2025

Diễn giải: Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025

Ngày chứng từ: 31/12/2025

Tham chiếu ...

Số chứng từ: NVK00108

Hạch toán

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	8.527.791.864
2	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113	911	1.289.143.230
3	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	61.470
4	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.438.488.236
5	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	333.065.508
6	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	760.796.943
7	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	270.531.053
8	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	711	911	27.455.000
9	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212	41.569.824
				19.688.903.128

Hình 60: Giao diện kết chuyển lãi lỗ

Sau khi kết chuyển mềm sẽ tự động lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	911	821	7.066.870	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	821	911		7.066.870
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	911	4212	34.502.954	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	4212	911		34.502.954
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	821	3334	7.066.870	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	3334	821		7.066.870
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	4212	4211	96.640.116	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00109	Kết chuyển lợi nhuận	4211	4212		96.640.116
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	8.527.791.864	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	5111		8.527.791.864
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113	911	1.289.143.230	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	5113		1.289.143.230
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	61.470	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	515		61.470

31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.438.488.236	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911		8.438.488.236
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	333.065.508	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	911		333.065.508
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	760.796.943	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	911		760.796.943
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	270.531.053	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	911		270.531.053
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	711	911	27.455.000	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ	911	711		27.455.000
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212	41.569.824	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00108	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911		41.569.824
31/12/2025	31/12/2025	NVK00110	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911	41.569.824	
31/12/2025	31/12/2025	NVK00110	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212		41.569.824
Tổng cộng						**95.236.432.783**	**95.236.432.783**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	**Thủ kho**	**Thủ quỹ**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 61. Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025 (trích)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			711		27.455.000
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212	41.569.824	
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		8.527.791.864
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5113		1.289.143.230
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		61.470
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	8.438.488.236	
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			635	333.065.508	
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	760.796.943	
31/12/2025	NVK00108	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6422	270.531.053	
31/12/2025	NVK00109	31/12/2025	Kết chuyển lợi nhuận			821	7.066.870	
31/12/2025	NVK00109	31/12/2025	Kết chuyển lợi nhuận			4212	34.502.954	
31/12/2025	NVK00110	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212		41.569.824
			- Cộng số phát sinh				**9.886.021.388**	**9.886.021.388**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**9.886.021.388**	**9.886.021.388**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 62. Sổ cái TK 911

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM XĂNG DẦU TÂN SƠN
[03] Mã số thuế: 3100275998

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**9.816.935.094**	**10.833.268.810**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**9.816.935.094**	**10.833.268.810**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**8.438.488.236**	**9.220.911.638**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1.378.446.858**	**1.612.357.172**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**61.470**	**96.775**
7. Chi phí tài chính	**22**		**333.065.508**	**371.927.179**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**1.031.327.996**	**1.154.557.304**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**14.114.824**	**85.969.464**
10. Thu nhập khác	**31**		**27.455.000**	**35.085.000**
11. Chi phí khác	**32**		**0**	**0**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**27.455.000**	**35.085.000**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**41.569.824**	**121.054.464**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**7.066.870**	**24.210.893**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**34.502.954**	**96.843.571**

Lập ngày 22 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên) Lê Thị Trúc	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)* Lê Thị Trúc

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN*
Ngày ký: 25/03/2026 10:06:35.

Hình 63: Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG III: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN SƠN

3.1. Những nhận xét đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn

3.1.1. Ưu điểm

Công tác của công ty đã tổ chức một cách linh hoạt: vừa đơn giản, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng nói riêng đã có những kết quả như sau:

- **Về tổ chức bộ máy:**

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các phòng ban - Được trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất

- **Về đội ngũ nhân viên:**

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của kế toán viên tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học, thông tạo trong kĩ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ

- Nhân viên kế toán năng động, nhiệt huyết, thích ứng nhanh với điều kiện môi trường công ty

- **Về hệ thống sách chứng từ:**

- Doanh nghiệp thực hiện lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ theo chế độ kế toán quy định.

- Sổ sách kế toán được ghi chép chi tiết, tỉ mỉ chẳng hạn cụ thể cho từng nhóm đối tượng khách hàng, từng hóa đơn, trình tự phát sinh của từng nghiệp vụ,…tạo thuận lợi cho công việc ghi chép và theo dõi.

- Hệ thống chứng từ như: Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu chi,…được sử dụng tuân thủ theo mẫu do Bộ tài chính phát hành.

- Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các sổ sách để hạch toán doanh thu bán hàng.

- Việc in ấn chứng từ cùng sổ sách liên quan thực hiện đầy đủ vào mỗi cuối tháng. Tất cả đều được đóng lại thành tập theo từng phần hành kế toán, sau đó được sắp xếp

theo trình tự thời gian rồi tiến hành lưu trữ tại phòng kế toán tiện cho việc theo dõi, đối chiếu sai sót một cách nhanh nhất và sự kiểm tra bất ngờ từ cơ quan thuế.

- **Về hệ thống tài khoản:**

- Tất cả các tài khoản công ty sử dụng cho việc hạch toán kế toán nói chung cũng như kế toán bán hàng nói riêng đều tuân thủ theo bảng hệ thống tài khoản của Thông tư 133 do Bộ tài chính ban hành ngày 26/08/2016.

- **Về phương pháp kế toán:**

- Công ty tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc kế toán và thực hiện tương đối chính xác, phù hợp với chế độ kế toán.

- **Về chính sách của công ty:**

- Công ty có các chính sách tiền thưởng, nghỉ lễ, Tết,…hàng năm cho các nhân viên. Việc này kích thích tinh thần làm việc hăng hái, nhiệt tình, khả năng tìm tòi, sáng tạo và năng động trong công việc của họ, tạo lập mối quan hệ thân thiện, hòa đồng là nguồn lực giúp công ty ngày càng ổn định và phát triển.

- **Về hệ thống báo cáo:**

- Tuân thủ nguyên tắc lập và trình bày báo cáo theo quy định của Bộ tài chính với bốn báo cáo tài chính hằng năm. Các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính phản ánh trung thực tình hình tăng giảm của tài sản, nguồn vốn; kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh trung thực, đầy đủ các thông tin cho các đối tượng sử dụng.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được trong quá trình tổ chức kế toán bán hàng tại công ty còn những hạn chế:

a. Về tổ chức bộ máy kế toán:

Do mô hình hoạt động của công ty tương đối nhỏ, nên nhân viên kế toán phải đảm nhận trách nhiệm nhiều phần hành kế toán khác nhau. Điều này khiến cho nhân viên kế toán chịu nhiều áp lực, chức năng giám sát, đối chiếu giữa các phần hành kế toán bị hạn chế.

b. Về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Từ đó không kích thích nhu cầu của khách hàng, dẫn đếm có thể mất dần những khách hàng mà mình đang

cung cấp hàng hóa vì trên thị trường có rất nhiều công ty đang áp dụng chính sách này để thu hút khách hàng.

c. Về kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

Công ty chưa thực hiện mở tài khoản chi tiết đối với tiền gửi ngân hàng, dẫn đến việc theo dõi và đối chiếu số dư giữa sổ kế toán và ngân hàng chưa được thuận tiện. Điều này có thể gây khó khăn trong công tác quản lý dòng tiền, kiểm tra biến động số dư cũng như ảnh hưởng đến tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán.

d. Về kế toán chi phí tài chính:

Các nghiệp vụ trả lãi vay trên Sổ cái TK 635 chỉ ghi nội dung "Trả lãi vay" mà chưa thể hiện rõ khoản vay hoặc hợp đồng vay liên quan. Điều này gây khó khăn trong việc đối chiếu, kiểm tra và theo dõi chi phí lãi vay của từng khoản vay cụ thể.

e. Về kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

- **Tiền lương, BHXH, BHYT và BHTN**

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị, em nhận thấy việc hạch toán chi phí tiền lương được thực hiện theo từng bộ phận cụ thể. Nhưng đối với các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT và BHTN đơn vị hiện đang thực hiện hạch toán gộp chung vào chi phí mà không tách riêng theo từng bộ phận tương ứng với tiền lương. Cụ thể đơn vị đã hạch toán:

Nợ TK 6422: 5.095.500

Có TK 3383: 5.095.500

- **Phí bảo hiểm vật chất**

Công ty hạch toán toàn bộ phí bảo hiểm vật chất xe ô tô thời hạn 2 năm trị giá 12.500.950 đồng (bao gồm VAT) trực tiếp vào TK 6422 là chưa phù hợp với nguyên tắc kế toán.

Nợ TK 6422: 11.364.500

Nợ TK 1331: 1.136.450

Có TK 1111: 12.500.950

- **Chi phí mua phần mềm**

Công ty hạch toán toàn bộ chi phí mua phần mền thời hạn 2 năm trị giá 2.400.000 đồng trực tiếp vào TK 6422 là chưa phù hợp với nguyên tắc kế toán.

Nợ TK 6422: 2.400.000

Có TK 1111: 2.400.000

f, Kế toán chi phí thuế TNDN

Việc kế toán diễn giải nghiệp vụ thuế TNDN bằng cụm từ "kết chuyển lợi nhuận" là chưa rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn giữa chi phí thuế và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn

a, Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Hiện nay, bộ máy kế toán của công ty còn quá đơn giản, số lượng nhân viên kế toán ít. Nếu trong tương lai công ty có đủ nguồn tài chính thì nên tuyển thêm nhân viên kế toán để đảm bảo quản lý hiệu quả công tác kế toán của công ty.

- Công ty nên tổ chức nhiều hơn các lớp đào tạo hướng dẫn, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên.

b, Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- Trong nền kinh tế thị trường bán hàng đã trở thành một nghệ thuật kinh doanh, bán hàng như thế nào để thu hút khách hàng là một nhu cầu cấp bách đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, công ty nên có chiết khấu đối với khách hàng mua với số lượng lớn, đạt hoặc vượt mức mà bên bán đặt ra.

- Cách hạch toán số chiết khấu thương mại:

Nợ TK 511 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Thuế VAT

Có TK 111,112

c. Về kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

Công ty cần thực hiện mở tài khoản chi tiết cho TK 1121 theo từng ngân hàng sử dụng, cụ thể như TK 1121 – VietinBank và TK 1122 – Agribank để thuận tiện cho việc theo dõi số dư, quản lý thu chi và đối chiếu số liệu với từng ngân hàng. Góp phần nâng cao tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán.

d. Về kế toán chi phí tài chính:

Công ty nên ghi rõ số khoản vay hoặc thông tin nhận diện khoản vay trong phần diễn giải của các nghiệp vụ trả lãi vay. Việc này giúp nâng cao tính minh bạch của

thông tin kế toán, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu và quản lý chi phí tài chính.

e, Về kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

- **Tiền lương, BHXH, BHYT và BHTN**

Công ty cần tách bảng lương theo từng bộ phận để phục vụ việc theo dõi, hạch toán và phân bổ chi phí tiền lương được rõ ràng, chính xác và thuận tiện hơn trong công tác quản lý và đối chiếu số liệu kế toán.

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TM XD TÂN SƠN
Địa chỉ: Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
MST: 3100275998

BẢNG LƯƠNG
Tháng 11 năm 2025

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương CB	Lương Tham Gia BH	Số ngày công	Lương tháng	Phụ cấp				Tổng thu nhập tháng	Trích BHXH, BHYT, BHTN				Các khoản giảm trừ vào lương	Thực Lãnh
							Tiền cơm	Điện thoại	Tiền nhà	Cộng		BXHX (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Tổng cộng	TC	
01	Lê Thị Trúc	Giám Đốc				-					-	-	-	-	-	-	-
A	**BỘ PHẬN KẾ TOÁN**																
02	Trương Thị Như Trang	Kế Toán	6.000.000	4.200.000	25	5.769.231		800.000		800.000	6.569.231	735.000	126.000	42.000	903.000	441.000	6.128.231
	Cộng		**6.000.000**	**4.200.000**	**25**	**5.769.231**	**-**	**800.000**	**-**	**800.000**	**6.569.231**	**735.000**	**126.000**	**42.000**	**903.000**	**441.000**	**6.128.231**
B	**BỘ PHẬN BÁN HÀNG, VẬN TẢI**																
03	Trương Thế Tài	Lái Xe	3.900.000	3.900.000	25	3.750.000				-	3.750.000	682.500	117.000	39.000	838.500	409.500	3.340.500
04	Đinh Thị Thúy Ngọc	Bán hàng	5.000.000	3.900.000	27	5.192.308				-	5.192.308	682.500	117.000	39.000	838.500	409.500	4.782.808
05	Nguyễn Thị Minh Thảo	Bán hàng	5.000.000	3.900.000	27	5.192.308	700.000		1.500.000	2.200.000	7.392.308	682.500	117.000	39.000	838.500	409.500	6.982.808
06	Phạm Duy Thuần	Lái Xe	6.000.000	3.900.000	25	5.769.231	700.000	1.000.000		1.700.000	7.469.231	682.500	117.000	39.000	838.500	409.500	7.059.731
07	Võ Văn Giới	Lái Xe	7.000.000		25	6.730.769	700.000	1.000.000		1.700.000	8.430.769	-	-	-	-	-	8.430.769
08	Phan Thị Năm	Bán hàng	5.000.000		27	5.192.308	700.000			700.000	5.892.308	-	-	-	-	-	5.892.308
09	Lê Thị Luân	Bán hàng	5.000.000		27	5.192.308	700.000			700.000	5.892.308	-	-	-	-	-	5.892.308
10	Ngô Thị Thu Thủy	Bán hàng	3.900.000	3.900.000	25	3.750.000				-	3.750.000	682.500	117.000	39.000	838.500	409.500	3.340.500
	Cộng		**40.800.000**	**19.500.000**	**208**	**40.769.232**	**3.500.000**	**2.000.000**	**1.500.000**	**7.000.000**	**47.769.232**	**3.412.500**	**585.000**	**195.000**	**4.192.500**	**2.047.500**	**45.721.732**
Tổng cộng			**46.800.000**	**23.700.000**	**233**	**46.538.463**	**3.500.000**	**2.800.000**	**1.500.000**	**7.800.000**	**54.338.463**	**4.147.500**	**711.000**	**237.000**	**5.095.500**	**2.488.500**	**51.849.963**

Quảng Bình, ngày 30 tháng 11 năm 2025

Người lập

Trương Thị Như Trang

Giám đốc
Lê Thị Trúc

BHXH, BHYT và BHTN (Bộ phận kế toán)

Nợ TK 6422: 903.000 Nợ TK 334: 441.000

Có TK 3383: 735.000 Có TK 3383: 336.000

Có TK 3384: 126.000 Có TK 3384: 63.000

Có TK 3386: 42.000 Có TK 3386: 42.000

BHXH, BHYT và BHTN (Bộ phận bán hàng, vận tải)

Nợ TK 6421: 4.192.500 Nợ TK 334: 2.047.500

Có TK 3383: 3.412.500 Có TK 3383: 1.560.000

Có TK 3384: 585.000 Có TK 3384: 292.500

Có TK 3386: 195.000 Có TK 3386: 195.000

- **Phí bảo hiểm vật chất**

Bảo hiểm vật chất xe thời hạn 2 nămlà khoản chi phí lớn và quan trọng đối với doanh nghiệp có đội xe. Việc hạch toán loại bảo hiểm này cần được thực hiện cẩn thận và chính xác, doanh nghiệp thực hiện bút toán:

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111, 112 – Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Định kỳ phân bổ

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 242 – Chi phí trả trước.

- **Chi phí mua phần mềm**

Với chi phí mua phần mền thời hạn 2 năm trị giá lớn thì doanh nghiệp cần hạch toán như sau:

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước

Có TK 111, 112 – Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Định kỳ phân bổ

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 242 – Chi phí trả trước.

f, Kế toán chi phí thuế TNDN

Công ty nên diễn giải cụ thể như "kết chuyển chi phí thuế TNDN" và "kết chuyển lợi nhuận" để đảm bảo rõ ràng, đúng bản chất nghiệp vụ và thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu sổ sách.

KẾT LUẬN

Trong quá trình thực tập **Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn** em đã học được rất nhiều kinh nghiệm cho bản thân. Mặc dù thời gian không nhiều nhưng cũng giúp ích cho em rất nhiều, em có thể làm quen với các chứng từ, nghiệp vụ cụ thể từ đó em đã rút ra được những bài học thực tiễn.

Quá trình thực tập em rút ra những bài học sau:

- Thứ nhất, đề tài đã hệ thống một cách khái quát nhất cơ sở lý luận từ các giáo trình, chuẩn mực kế toán, Thông tư,...liên quan đến thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, đặt nền tảng cho quá trình thực tế tìm hiểu tại đơn vị.

- Thứ hai, đưa ra những khái quát tổng quan về đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý, lĩnh vực kinh doanh,..của **Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn**, từ đó hiểu ra được sơ lược về bộ máy kế toán trong Công ty và xác định được đề tài phù hợp với khóa luận của mình.

- Thứ ba, trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã được trau dồi trong Nhà trường kết hợp với quá trình quan sát thực tế, đi sâu vào mô tả một cách trung thực, khách quan "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh" tại **Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn**, thông qua việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh, minh họa bằng các chứng từ cụ thể.

- Thứ tư, đưa ra những nhận xét, đánh giá và một số giải pháp mong muốn góp phần hoàn thiện hơn trong thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu đề tài, do không đủ điều kiện, thời gian, kinh phí cũng như khả năng tìm hiểu nên đề tài vẫn còn một số hạn chế như:

- Bị hạn chế về số liệu cũng như hệ thống chứng từ do vấn đề bảo mật. Trên đây là các nội dung và kết quả mà em đã nghiên cứu được. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện không thể tránh khỏi những sai sót vì vậy rất mong nhận được sự chỉ dẫn nhiệt tình từ các thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính

2. Tài liệu, sổ sách liên quan đến phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại **Công ty TNHH thương mại xăng dầu Tân Sơn**

3. Các bài khóa luận tốt nghiệp trên thư viện trường

4. Tham khảo phần mềm hỗ trợ AI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ

BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Trần Thị Hoài Thương, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- **Các công cụ AI đã sử dụng:** Chat GPT, getmini
- **Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):
- Tìm cách chỉnh sửa số trang
- Tóm tắt sơ đồ
- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**
- Sơ đồ hạch toán
- Nhận xét

Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

- ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký:_____ Ngày:_____

PHỤ LỤC 1

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU TÂN
Thôn Hoàng Viễn, Xã Lệ Ninh, Quảng Trị

S06-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: <<Tất cả>>, Mặt hàng: Dầu DO 0,05S-II, Năm 2025

Tên kho	Tên hàng	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
							Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: 01												
Mã hàng: VT00004												
Kho xăng dầu	**Dầu DO 0,05S-II**			**Số dư đầu kỳ**	**Lít**	**15.912,03**					**10.733,46**	**170.791.138**
Kho xăng dầu	Dầu DO 0,05S-II	01/01/2025	XK00015	Xuất kho bán hàng Người mua không lấy hóa đơn theo hóa đơn số 4	Lít	16.310,51			68,42	1.115.965	10.665,04	169.675.173
Kho xăng dầu	Dầu DO 0,05S-II	01/01/2025	XK83576	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 VIỆT PHONG theo hóa đơn số 00000001	Lít	16.310,51			490,00	7.992.150	10.175,04	161.683.023
.....	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Kho xăng dầu	Dầu DO 0,05S-II	23/12/2025	XK66048	Xuất kho bán hàng Người mua không lấy hóa đơn theo hóa đơn số 8325	Lít	15.954,40			60,00	957.264	5.802,55	94.096.187
Kho xăng dầu	Dầu DO 0,05S-II	23/12/2025	NK00263	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG theo hóa đơn số 00011500	Lít	15.620,37	4.550,00	71.072.685			10.352,55	165.168.872
Kho xăng dầu	Dầu DO 0,05S-II	24/12/2025	XK68318	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 VIỆT PHONG theo hóa đơn số 8536	Lít	15.954,40			120,00	1.914.528	10.232,55	163.254.344
Kho xăng dầu	Dầu DO 0,05S-II	30/12/2025	XK68344	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1 VIỆT PHONG theo hóa đơn số 9963	Lít	15.954,40			129,99	2.073.912	4.817,81	76.865.414
Kho xăng dầu	**Dầu DO 0,05S-II**	**30/12/2025**	**XK68401**	**Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ THIÊN PHÚ theo hóa đơn số 9845**	**Lít**	**15.954,40**			**45,48**	**725.606**	**4.772,33**	**76.139.808**
Kho xăng dầu	Dầu DO 0,05S-II	30/12/2025	XK68549	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG ĐỨC THẮNG theo hóa đơn số 9940	Lít	15.954,40			71,63	1.142.814	4.700,70	74.996.994
Kho xăng dầu	**Dầu DO 0,05S-II**			**Cộng**			**202.750,00**	**3.181.705.229**	**211.036,97**	**3.313.463.941**	**2.446,49**	**39.032.426**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Hình 64: Phụ lục sổ chi tiết vật tư hàng hóa Dầu DO 0.05S-II